

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

- Mã chứng khoán: ITD
- Địa chỉ: Số 1 Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
- Điện thoại liên hệ: 08 3 770 1114
- E-mail: cbtt@itd.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo thường niên 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/07/2022 tại đường dẫn: <https://www.itd.com.vn/thong-tin-itd/bao-cao-thuong-nien-nam-2021/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo thường niên 2021

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CAO MỸ PHƯƠNG
Phó phòng Tài Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

Thông điệp từ Chủ tịch HĐQT **03**

ITD năm 2021 **04**

- Tầm nhìn, sứ mệnh, và giá trị cốt lõi 05
 - Tình hình tài chính nổi bật 2021 06
 - Hoạt động tài chính 2017-2021 08
-

Tổng quan về ITD **09**

- Thông tin chung 10
 - Lịch sử hình thành và phát triển 11
 - Ngành nghề kinh doanh 13
 - Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 14
 - Thông tin vốn cổ phần và cổ đông 15
-

Phân tích hoạt động kinh doanh **16**

- Đánh giá BGD về kết quả kinh doanh 2021 17
 - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD công ty 19
 - Kế hoạch và định hướng của HĐQT 22
-

Báo cáo quản trị **25**

- Quản trị công ty năm 2021 26
 - Tổ chức và nhân sự 37
 - Quản trị rủi ro 39
-

Báo cáo phát triển bền vững **41**

Báo cáo tài chính **43**

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thân gửi quý cổ đông, quý khách hàng, quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (ITD),

2021 là một năm khó khăn và thách thức với làn sóng dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới và tại Việt Nam, dẫn đến nhiều biến động trong kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của ITD cũng không nằm ngoài vùng chịu ảnh hưởng. Tuy nhiên, đội ngũ Ban Điều Hành và toàn thể nhân viên đã nỗ lực không ngừng trong hoạt động kinh doanh để duy trì được hoạt động và đạt được một số kết quả tích cực.

Kết quả năm 2021 ghi nhận sự suy giảm doanh thu đến -39% so với 2020 và chỉ đạt tỷ lệ 55% kế hoạch doanh thu năm 2021. Là người được tín nhiệm bầu vào vị trí chủ tịch HĐQT của ITD năm 2021, tôi thay mặt HĐQT xin nhận trách nhiệm khi chưa cùng Ban Điều Hành thực hiện được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông ITD giao phó. Có rất nhiều nguyên nhân như tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại Tp.HCM, tình hình cạnh tranh, và một số nguyên nhân khác. Tuy vậy, cá nhân tôi nhận thấy nguyên nhân chính lại đến từ nội tại ITD trong các năm trước đã chưa có những đầu tư, thay đổi tương xứng để theo kịp với yêu cầu của khách hàng, thị trường và đặc biệt chưa thay đổi được mô hình kinh doanh phụ thuộc lớn vào tham gia thầu các dự án. Năm 2021 chứng kiến các mảng kinh doanh truyền thống của ITD từ giao thông thông minh, điện tử động, kinh doanh thiết bị chống sét đều giảm doanh thu và mất thị phần. Điểm sáng duy nhất là mảng thầu cơ khí và điện (M&E) cho các dự án trung tâm dữ liệu (Data center) tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) - công ty con của ITD đã có sự bứt phá mạnh với hợp đồng xây dựng trung tâm dữ liệu cho VNG. Đây sẽ là mảng kinh doanh triển vọng cho GLT trong 3 – 5 năm tới khi nhu cầu được dự báo gia tăng mạnh từ cả các khách hàng trong và ngoài nước. Theo báo cáo của Globenewswire.com, nhu cầu cho data center tại Việt Nam sẽ tiếp tục gia tăng với tỷ lệ tăng bình quân 8.18% cho giai đoạn 2021-2026 khi Việt Nam tăng tốc trong quá trình chuyển đổi số cũng như yêu cầu của Luật An Ninh Mạng về lưu trữ dữ liệu người dùng tại Việt Nam đối với các tập đoàn công nghệ nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam.

“Let’s Transform” (Hãy chuyển đổi) là chủ đề của buổi họp mặt cuối năm 2021 của toàn tập đoàn ITD và cũng là chiến lược mà HĐQT xác định cho ITD và các công ty con trong hệ thống. Việc “transform” bắt đầu từ chiến lược, nhân sự đến các kế hoạch hành động trong toàn hệ thống. HĐQT xác định các đơn vị kinh doanh trong hệ thống cần được củng cố và đầu tư vào chiều sâu để dần lấy lại vị thế và thị phần trong ngành. Song song đó, đối với các mảng kinh doanh mới, ưu tiên với những mảng kinh doanh có sự cộng hưởng những kinh nghiệm, network và thế mạnh của ITD. Quá trình “transform” còn cần có sự tham gia của cả những nhân sự mới để hỗ trợ các mảng kinh doanh hiện tại cũng như triển khai các mảng kinh doanh mới. Bên cạnh đó, ITD cũng sẽ chủ động tìm kiếm các cơ hội M&A các doanh nghiệp có đội ngũ tốt và có cơ hội tăng trưởng cao trong các ngành phù hợp chiến lược lâu dài của ITD. Trong năm 2022, tập đoàn đã bổ sung được một nhân sự cho vị trí Giám đốc công nghệ thông tin tại ITD và một Giám đốc đầu tư tại GLT. Đây đều là các nhân sự có bề dày kinh nghiệm tại các tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Về mặt kinh doanh, ITD đã tìm kiếm và đàm phán thành công việc mua đến 51% cổ phần của Larion là một công ty gia công phần mềm có thương hiệu và hoạt động rất hiệu quả. Sự tham gia của Larion không chỉ đóng góp thêm vào trụ tăng trưởng mới cho ITD mà còn hỗ trợ cho phần công nghệ của các dự án giao thông thông minh, các dự án mới mà ITD đang và sẽ triển khai. Cũng trong năm 2022, Ban Điều Hành đã đề xuất thông qua góp vốn thành lập Intelnet, một công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ chuỗi khối (blockchain) phục vụ cho mảng giáo dục và quản lý, chăm sóc khách hàng.

Đón chào 2022 vẫn còn nhiều thách thức nhưng tôi tin với sự “transform” từ tư duy đến hành động sẽ giúp cho ITD có những nền tảng vững chắc trong các năm sắp tới. Tôi mong rằng trong nhiệm kỳ 2021-2025, ITD sẽ xây dựng và triển khai được một số sản phẩm mang thương hiệu riêng của mình ra thị trường và giảm dần phụ thuộc vào các mảng kinh doanh theo dự án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời tri ân đến đội ngũ ITD đã không ngừng nỗ lực trong năm 2021 và lời cảm ơn chân thành cho sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác trong thời gian vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT ITD

01

**ITD
NĂM 2021**



Tầm Nhìn

Trở thành Tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam, nơi cung cấp và kết nối các cơ hội sáng tạo trong việc tiên phong ứng dụng thành công tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cuộc sống.



Sứ Mệnh

Chúng tôi tự hào đóng góp vào sự thành công của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm kỹ thuật cao, các giải pháp tích hợp công nghệ mới và dịch vụ xuất sắc.

Giá Trị Cốt Lõi

01 | Hoài Bão

Chúng tôi luôn khát vọng làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn thông qua việc triển khai áp dụng những công nghệ mới.

02 | Đổi Mới

Chúng tôi luôn nỗ lực, bền bỉ, không ngại nghỉ trong việc học hỏi, đổi mới, sáng tạo và tiên phong trong mọi hoạt động.

03 | Chuyên Nghiệp

Chúng tôi luôn hoàn thành công việc một cách chuyên nghiệp, đúng cam kết và với tinh thần trách nhiệm cao.

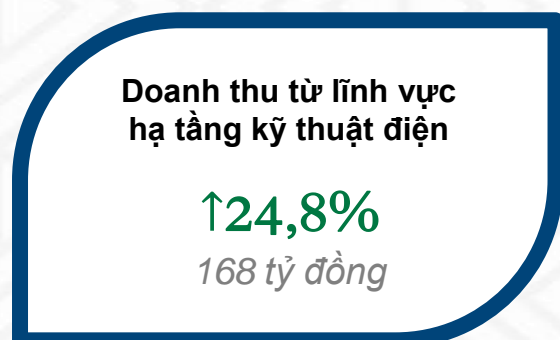
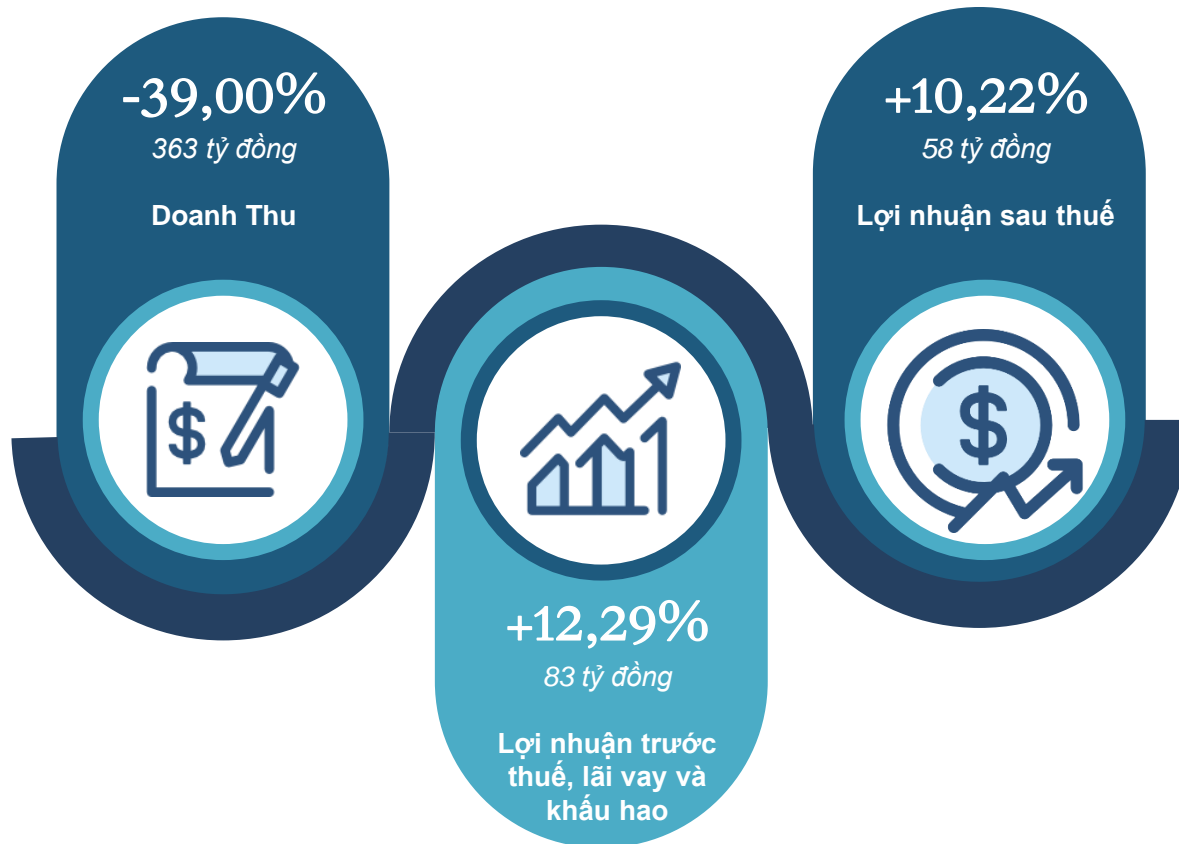
04 | Thành Tích

Chúng tôi luôn gắn liền sự phát triển của công ty với những thành tích làm thỏa mãn khách hàng, đối tác, cổ đông và mang lại thành đạt cho mỗi thành viên tập đoàn.

05 | Đồng Đội

Chúng tôi luôn tin tưởng, tôn trọng và phối hợp với đồng nghiệp, qua đó bổ sung kiến thức kỹ năng cho nhau, giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ và cùng phát triển nghề nghiệp.

Tình hình tài chính nổi bật 2021



Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản

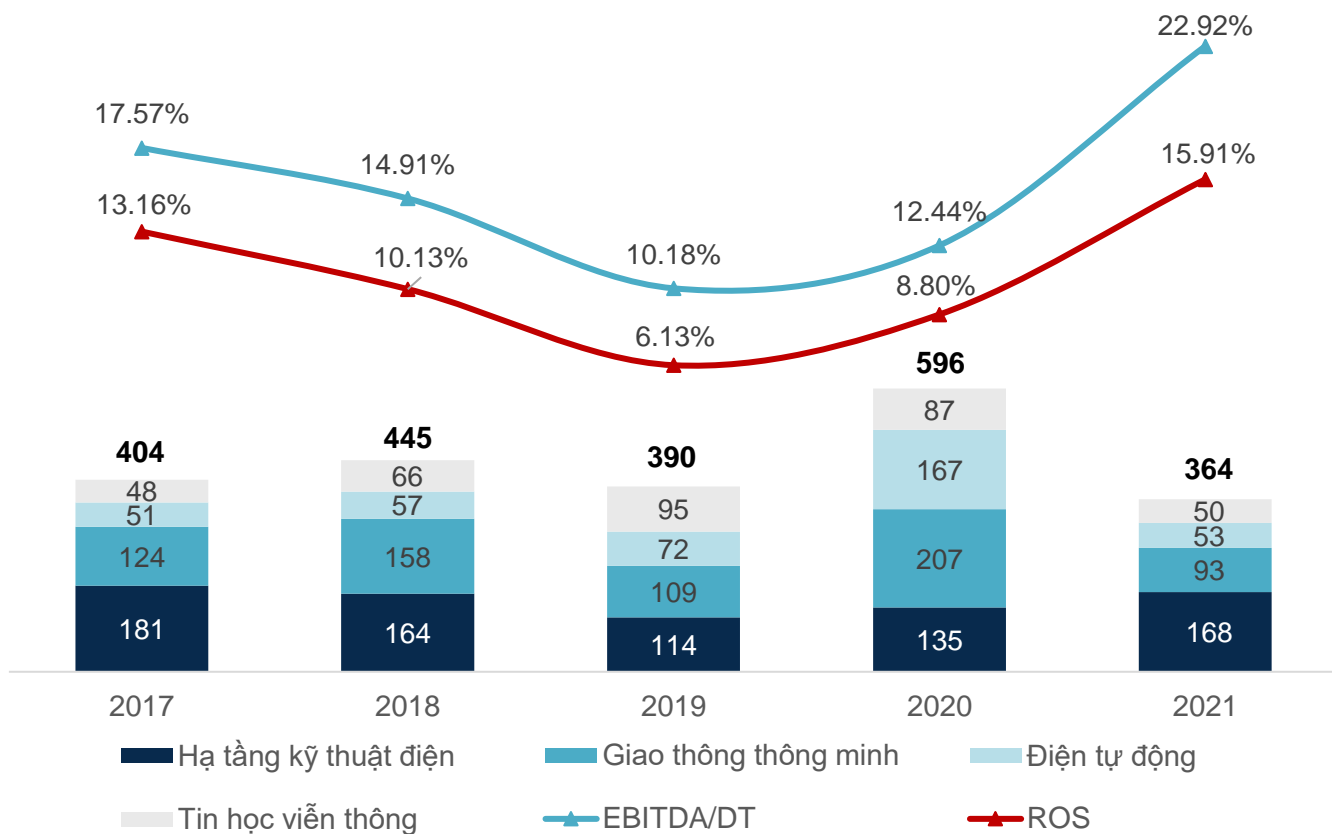
Đơn vị: Triệu đồng

	2020	2021	% tăng/giảm
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh			
Doanh thu	595.359	363.151	-39,00%
Giá vốn	438.304	267.933	-38,87%
Lợi nhuận gộp	157.056	95.218	-39,37%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	53.795	70.968	+31,92%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	74.121	83.233	+12,29%
Lợi nhuận sau thuế	52.433	57.792	+10,22%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.595	1.268	-20,50%
Bảng Cân Đối Kế Toán			
Tài sản ngắn hạn	499.610	556.983	+11,48%
Tài sản dài hạn	93.735	70.276	-25,03%
Tổng tài sản	593.345	627.258	+5,72%
Nợ ngắn hạn	243.327	227.942	-6,32%
Nợ dài hạn	11.191	8.709	-22,18%
Tổng Nợ	254.518	236.651	-7,02%
Vốn chủ sở hữu	338.827	390.607	+15,28%
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ			
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	6.402	44.939	+602,00%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	414	13.578	+3.181,86%
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	15.844	(28.739)	-281,38%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,16	2,24	
Hệ số thanh toán nhanh	1,78	1,92	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,40	0,40	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,67	0,67	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	5,54	3,53	
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1,08	0,60	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,16	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,16	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,10	0,09	
Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu	0,09	0,20	

Kết quả hoạt động tài chính 2017-2021

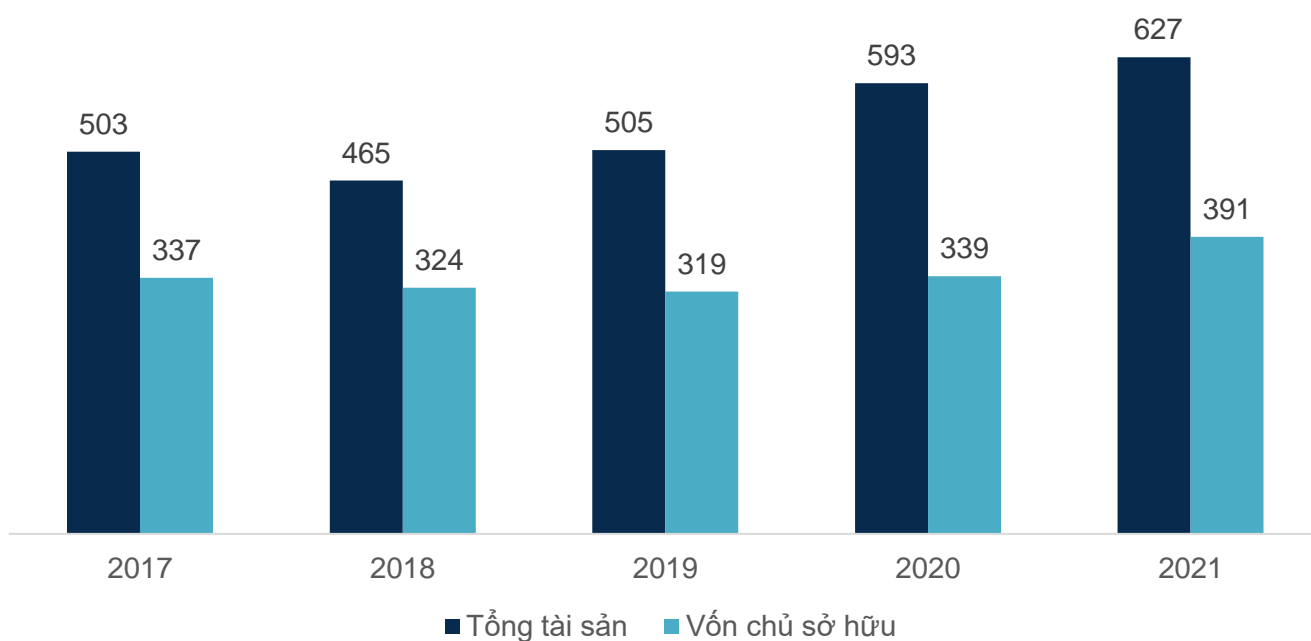
Doanh thu hợp nhất theo lĩnh vực kinh doanh

Tỷ đồng



Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tỷ đồng



02

TỔNG QUAN VỀ ITD

TỔNG QUAN VỀ ITD

Thông tin chung

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong
Tên giao dịch:	Innovative Technology Development Corporation (viết tắt: ITD)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/01/1999
Vốn Điều lệ:	213.436.540.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	213.436.540.000 đồng
Địa chỉ:	Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
Số điện thoại:	(028) 3770 1114
Số fax:	(028) 3770 1116
Website:	www.itd.com.vn
Mã cổ phiếu:	ITD



Lịch sử hình thành và phát triển

1994

Thành lập Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin học và Điều khiển CATIC tiền thân của ITD bởi một nhóm nhà khoa học trẻ.

1996

Thành lập

- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến (AIT)

1997

Thành lập

- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính (ST).

2007

Thành lập

- Công ty TNHH Global - Sitem (GSC)

2006

Thành lập

- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông

1999

Thành lập

- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh (QMC)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (ITD)

TỔNG QUAN VỀ ITD

Lịch sử hình thành và phát triển

2009

- GLT niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX).

2011

- ITD niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM (HOSE).
- Khánh thành Tòa nhà văn phòng ITD Building

2014

- Tái cơ cấu Tập đoàn thành 4 lĩnh vực chính: ITS, ICT, ETI và ECI.
- Ký hợp đồng thầu phụ với liên doanh Toshiba – Hitachi – Itochu về triển khai hệ thống ITS trên Cao tốc HCM – Long Thành – Dầu Giây.

2015

- Trúng thầu gói EX13 dự án cao tốc Hà Nội – Hải Phòng trị giá 764 tỷ đồng, trong đó giá trị công việc ITD cung cấp chiếm 50,18%.

2021

- Trúng thầu dự án xây Trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG giai đoạn I với giá trị 632 tỷ.

2020

Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm như:

- Cung cấp, lắp đặt thiết bị thu phí ô tô tại 17 Cảng hàng không.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống thu phí ETC trạm thu phí Đèo Cả, Cù Mông, Becamex, ...
- Thu phí Dịch vụ Sử dụng Đường bộ Tự động Không dừng giai đoạn 2 (BOO2).

2018

- Ký kết thành công dự án lớn - thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc – Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên với chủ đầu tư Công ty TNHH thu phí tự động VETC.

TỔNG QUAN VỀ ITD

Ngành nghề kinh doanh

ITD là công ty cung cấp thiết bị và dịch vụ công nghệ thông tin với mục tiêu trở thành nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của ITD tập trung chuyên sâu trong 4 lĩnh vực:

1 | Giao thông thông minh

Cung cấp hệ thống công nghệ ứng dụng giám sát, điều hành và quản lý giao thông trên quốc lộ, cao tốc và đô thị, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thời gian và chi phí đi lại, bảo vệ môi trường.

Các giải pháp chính:

- Thu phí giao thông: một dừng (MTC) và không dừng (ETC).
- Điều hành quản lý xe buýt.
- Cân kiểm soát tải trọng xe.
- Kiểm soát tốc độ phương tiện.
- Giải pháp giám sát giao thông khác.

2 | Hạ tầng kỹ thuật điện

Cung cấp giải pháp trong các lĩnh vực chống sét, năng lượng xanh, các giải pháp tích hợp cho hệ thống trung tâm dữ liệu, đầu tư hạ tầng viễn thông và các loại hình cơ sở hạ tầng khác cũng như cung cấp dịch vụ bảo hành bảo trì chất lượng cao.

Dự án tiêu biểu bao gồm:

- Hệ thống chống sét lan truyền Masan, VNH South.
- Hệ thống cắt sét AC cho các trạm BTS MobiFone.
- Hệ thống tiếp địa và chống sét trực tiếp tại Núi Cẩm – Andesco.

3 | Tin học viễn thông

Cung cấp các giải pháp ứng dụng công nghệ tin học và viễn thông thông minh cho doanh nghiệp. Nổi bật với các dự án:

- Cung cấp giải pháp Auto-ID, RFID cho Tổng Cục Thuế.
- Hệ thống camera giám sát cho Cục Hải Quan tại các cảng (Cát Lái, Nhà Rồng, VICT)
- Hệ thống hiển thị thông tin kỹ thuật số cho Oceanbank.
- Giải pháp quản lý thiết bị di động (MDM) - cho VPBank và Heineken.

4 | Điện tự động

Cung cấp giải pháp kỹ thuật, dịch vụ để đo lường, tự động hóa các thiết bị, hệ thống điện trong các nhà máy.

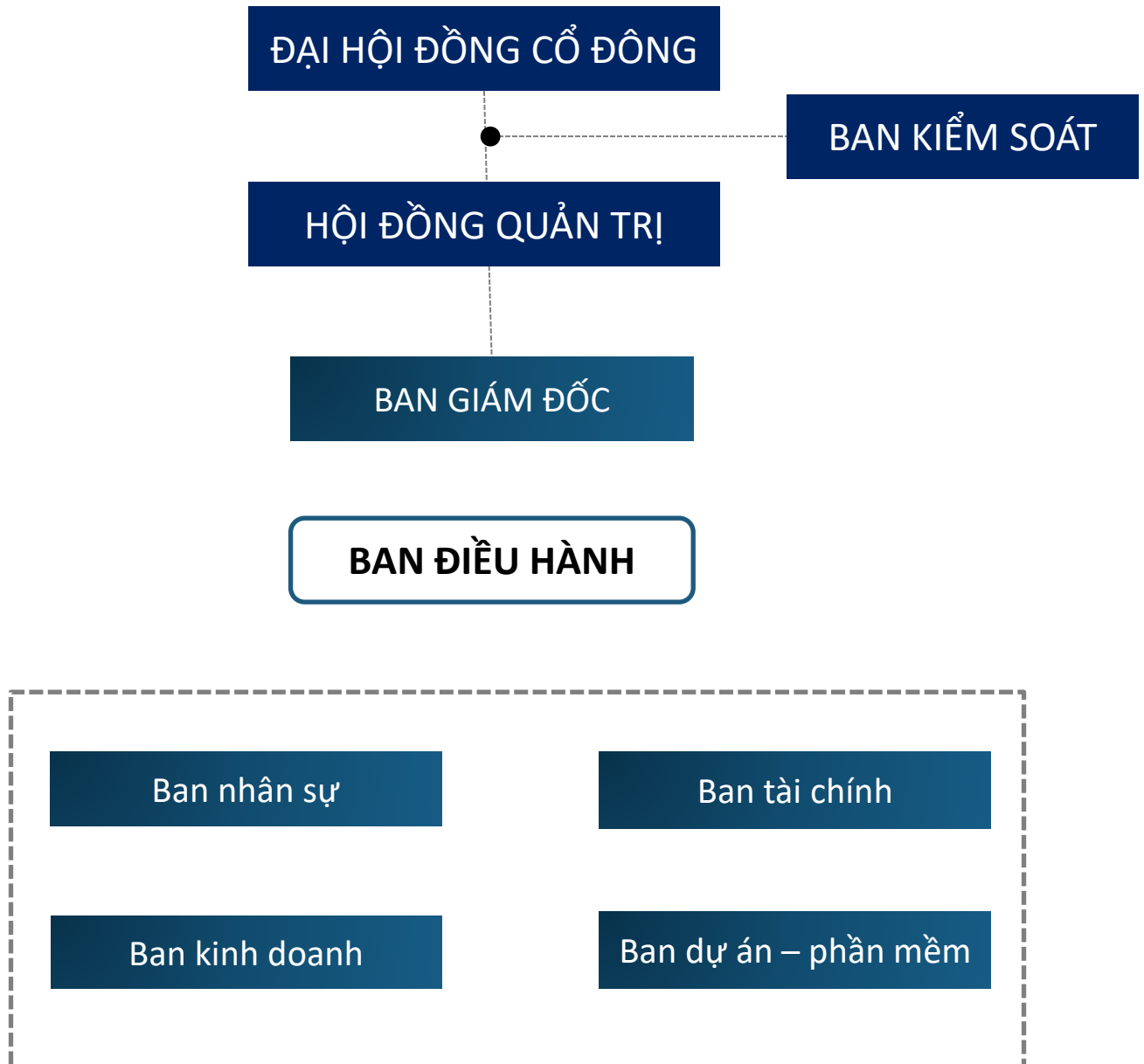
Phụ trách chính mảng này là công ty Tân Tiến - đi đầu trong việc ứng dụng các giải pháp tổng thể, tích hợp hệ thống điện và tự động hóa, ứng dụng các công nghệ mới nhất như: SCADA, DCS, PCS7, STEP7, CEMAT, BATCH CONTROL, ...

Đạt chuẩn ISO 9001: 2000

Địa điểm kinh doanh

Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



TỔNG QUAN VỀ ITD

Thông tin vốn, cổ phần và cổ đông

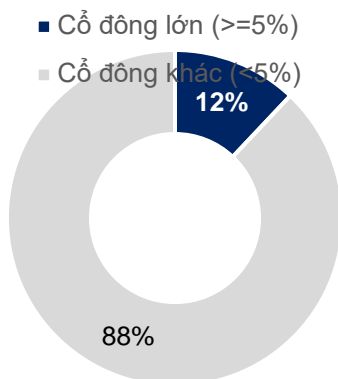
Thông tin vốn và cổ phần

Vốn điều lệ: 213.436.540.000 đồng

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành	21.343.654
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.271.466
Khối lượng cổ phiếu quỹ	72.188
Mệnh giá	10.000 VNĐ

Cơ cấu cổ đông

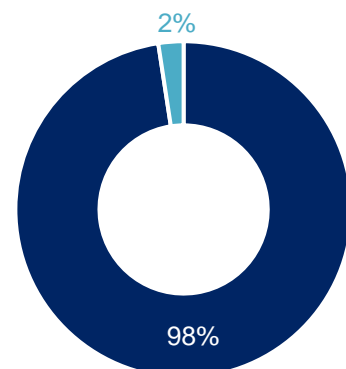
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	2	2.560.728	12,04%
Cổ đông khác ($< 5\%$)	3.798	18.710.738	87,96%
Tổng cộng	3.800	21.271.466	100,00%



Tên cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Đức Thắng	1.346.240	6,33%
Doãn Thị Bích Ngọc	1.214.488	5,71%

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	3.734	20.757.875	97,59%
Cổ đông nước ngoài	66	513.591	2,41%
Tổng	3.800	21.271.466	100%

■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài



Thay đổi vốn chủ sở hữu

Phát sinh thay đổi vốn CSH do phát hành thêm 2.278.856 cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. Vốn CSH tăng từ 190.647.980.000 đồng lên 213.436.540.000 đồng.

03

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2021

Bối cảnh

Năm 2021 là một năm khó quên trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng toàn diện và sâu rộng đến kinh tế và xã hội. Chính phủ đã ban hành các chỉ thị giãn cách xã hội, phong tỏa cách ly y tế để kiểm soát dịch bệnh, tạm ngưng hoạt động sản xuất đối với một số doanh nghiệp để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Đánh giá kết quả kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính trong năm 2021

Chỉ tiêu	2020	2021	+Tăng/ -Giảm
Tổng giá trị tài sản	593.345	627.258	5,72%
Doanh thu kinh doanh hợp nhất	595.359	363.151	-39,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.795	70.968	31,92%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	74.121	83.233	12,29%
Lợi nhuận trước thuế	62.360	73.056	17,15%
Lợi nhuận sau thuế	52.433	57.792	10,22%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (bằng cổ phần)	12%	10%	-20.00%

Trong bối cảnh trên, ITD không nằm ngoài guồng xoáy ảnh hưởng chung, thời điểm dịch bệnh bùng phát ở Tp.HCM vào quý III/2021, ITD đã rất cố gắng duy trì vận hành hoạt động kinh doanh ở mức tối thiểu và đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên. Mặc dù ban lãnh đạo và nhân viên đã nỗ lực rất nhiều trong điều kiện không thuận lợi, tuy nhiên kết quả kinh doanh năm 2021 không đạt được như kế hoạch, cụ thể:

- Doanh thu thuần hợp nhất là 363 tỷ, đạt 55% kế hoạch doanh thu cả năm và giảm 39% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 28 tỷ, đạt 111% kế hoạch và giảm 21% so với cùng kỳ năm trước.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái: không có sự chênh lệch so với cùng kỳ chủ yếu đến từ: (i) sự bình ổn về tỷ giá ngoại hối trong năm qua, (ii) và tỷ trọng hàng hóa nhập khẩu không có sự biến động đáng kể.

Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: tận dụng lợi thế từ các gói hạn mức tín dụng với lãi suất ưu đãi của ngân hàng, trong năm qua công ty đã tái cơ cấu nguồn vốn nhằm (i) tăng thêm huy động nguồn tài trợ từ ngân hàng, (ii) thiết lập mối quan hệ tín dụng đa chiều, (iii) tối ưu hóa lợi thế lá chắn thuế và đòn bẩy tài chính.

Những nhiệm vụ đã hoàn thành:

- ✓ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị và tăng cường đội ngũ quản lý cấp cao nhằm đảm bảo hoạt động ổn định tại các công ty thành viên.
- ✓ Đẩy mạnh triển khai và hoàn thành các dự án lớn tại công ty mẹ và các công ty thành viên nhằm nâng cao năng lực thi công, năng lực kinh nghiệm và năng lực tài chính cho tập đoàn.

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2021

Đánh giá chung

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- ✓ Hoàn thiện và phát triển năng lực quản lý dự án lớn.
- ✓ Tái cấu trúc các lĩnh vực kinh doanh tại công ty thành viên.
- ✓ Nhận thức được đổi mới sáng tạo là yếu tố sống còn và là kim chỉ nam ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của công ty, do vậy, công ty đã tiếp tục dành một khoản ngân sách cho việc nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới tại công ty ITD.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31/03/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính. Kiểm toán độc lập chấp nhận hoàn toàn Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Năm 2021, Tổng tài sản của Tập đoàn là 627 tỷ đồng tăng 34 tỷ đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn (557 tỷ đồng) tăng hơn 57 tỷ đồng, Tài sản dài hạn (70 tỷ đồng) giảm 23 tỷ đồng. Các nguyên nhân chính làm tăng/giảm tài sản của Tập đoàn trong kỳ là:

- Các khoản tiền và tương đương tiền (71 tỷ đồng) tăng 30 tỷ do các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tăng cao.
- Các khoản phải thu trong kỳ (327 tỷ đồng) tăng 36 tỷ so với đầu năm, phần lớn đến từ khoản ứng trước cho nhà cung cấp và các khoản phải thu khác.
- Hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho (68 tỷ đồng) giảm hơn 16 tỷ so với số đầu năm do trong kỳ các dự án/công trình dở dang đã được hoàn thành/nghiệm thu.

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/03/2022 tổng nợ phải trả của Tập đoàn là 237 tỷ đồng giảm 18 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, khoản nợ ngắn hạn (228 tỷ đồng) giảm 15 tỷ và nợ dài hạn (9 tỷ đồng) giảm 3 tỷ đồng.

- Nợ ngắn hạn giảm 18 tỷ chủ yếu là giảm khoản phải trả cho người bán ngắn hạn, doanh thu chưa thực hiện, vay ngân hàng và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Nợ dài hạn giảm 3 tỷ đồng do sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình thực hiện các dự án

Tổng giá trị hợp đồng đã ký trong năm tài chính 2021 của cả Group lên đến hơn **876 tỷ**, trong đó có các dự án lớn và quan trọng như:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống giao thông thông minh cho cao tốc Bắc – Nam.
- Dự án thu phí không dừng giai đoạn 2 (BOO2).
- Triển khai Trung Tâm Dữ Liệu (Data Center) cho VNG.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

Danh sách các công ty con

Tên Công Ty	Lĩnh vực	Vốn thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty CP Tin học Siêu Tính	Cung cấp 1) Giải pháp quản lý chuỗi cung ứng; 2) Giải pháp an ninh.	9.973	98,80%	98,80%
Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến	1) Cung cấp giải pháp tự động hóa ứng dụng các công nghệ trong kỹ thuật điều khiển cho các ngành công nghiệp; 2) Phân phối sản phẩm thiết bị, tự động hóa điện và đo lường.	18.891	88,59%	88,59%
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	Cung cấp 1) Thiết bị lưới điện trung cao thế; 2) M&E trong xây dựng cao ốc và nhà máy; 3) Sản phẩm và giải pháp tiếp địa.	70.460	69,14%	69,14%
Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Cung cấp 1) Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu; 2) Giải pháp chống sét; 3) Nguồn (chỉnh lưu, accu, UPS); 4) Dịch vụ cho BTS; 4) Đầu tư hạ tầng viễn thông di động.	92.364	50,42%	50,42%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Xây dựng giải pháp phần mềm tích hợp, phần mềm có thể chỉnh sửa theo đặc thù của từng khách hàng.	20.000	100%	100%
Công ty TNHH Global Sitem	Cung cấp giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu.	15.000	32,15%	63,75%
Công ty CP In No	Sản xuất phần mềm. Tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm.	15.000	50,40%	99,96%
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu	Cho thuê máy móc, thiết bị trạm BTS	-	-	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học.	9.000	100%	100%

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, Tập đoàn đã mua thêm 1,10% cổ phần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 50,42%. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 106.958.393.511 VNĐ, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 1.944.000.000 VNĐ. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn đầu tư và mất quyền kiểm soát:

Ngày 31 tháng 03 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

Chỉ tiêu tài chính cơ bản của các Công ty con tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: Triệu đồng (riêng EPS tính bằng đồng)

Công Ty	Tổng tài sản	VCSH bình quân	Doanh thu thuần	LN từ HĐ SXKD	LN trước thuế	LN sau thuế	ROE (%)	EPS
Hợp nhất Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	299.973	124.122	168.119	73.142	73.312	59.095	48%	6.995
Công ty CP Tin học Siêu Tính	13.455	12.048	6.599	-2.989	-3.018	-3.052	-25%	-
Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến	78.851	23.205	52.559	1.981	2.193	1.653	7%	875
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	10.775	6.546	-	364	436	349	5%	49
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	21.004	20.608	-	-4	-4	-4	-	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	14.946	15.824	1.244	-3.035	-2.240	-2.240	-14%	-

CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Trải qua 25 năm phát triển, Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) tự hào là đơn vị hàng đầu Việt Nam có uy tín trong việc tư vấn, thiết kế, cung cấp thiết bị và các giải pháp tiên tiến trong lĩnh vực chống sét, năng lượng xanh, tích hợp giải pháp hệ thống trung tâm dữ liệu, đầu tư hạ tầng viễn thông cũng như cung cấp dịch vụ bảo trì chất lượng cao. Với năng lực triển khai dự án và năng lực tài chính tốt, GLT đã khẳng định được vị thế trên thị trường với kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2021:

- Doanh thu: 168 tỷ đồng (+23% so với 2020)
- Lợi nhuận sau thuế: 59 tỷ đồng (+108% so với 2020)

Mặc dù lợi nhuận tăng trưởng vượt trội chủ yếu đến từ việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu, nhưng cần nhìn nhận GLT đã có sự bứt phá mạnh với hợp đồng xây dựng trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG. Đây sẽ là mảng kinh doanh mà GLT sẽ tập trung trong 3-5 năm tới vì triển vọng đem lại lợi nhuận lớn cho công ty khi nhu cầu được dự báo gia tăng mạnh từ cả các khách hàng trong và ngoài nước.

CÔNG TY CP TIN HỌC SIÊU TÍNH

Sự sụt giảm mạnh về doanh thu cũng như nhiều chi phí phát sinh trong đại dịch Covid-19 đã dẫn đến kết quả kinh doanh kém khả quan trong năm 2021:

- Doanh thu: 7 tỷ đồng (-73% so với 2020)
- Lỗ sau thuế: -3 tỷ đồng (-2.296% so với 2020)

Tập trung cả thiện sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực smart security, smart retail, smart ID là mục tiêu lớn nhất mà Công ty Siêu Tính sẽ thực hiện trong năm 2022.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG TÂN TIẾN

Hoạt động trong lĩnh vực điện – điện tự động hóa trong các nhà máy. Ghi nhận một năm đầy khó khăn với mức doanh thu và lợi nhuận không đạt được như kỳ vọng:

- Doanh thu: 53 tỷ đồng (-69% so với 2020)
- Lợi nhuận sau thuế: 1.7 tỷ đồng (-71% so với 2020)

HĐQT công ty chủ trương định hướng chiến lược và xác định cần nắm vững kiến thức về công nghệ và tiếp tục triển khai giải pháp trong các nhóm ứng dụng sau:

- Energy efficiency: Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.
- Oil and Gas (O&G): Khai thác, chế biến dầu khí và các sản phẩm hóa dầu.
- F&B: Chế biến và phân phối thực phẩm và đồ uống.

Với các định hướng chiến lược này chúng ta có thể kỳ vọng một kết quả khả quan hơn trong tương lai gần.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Trong năm vừa qua, giãn cách kéo dài đã dẫn đến sự trì trệ trong việc thi công các dự án và ảnh hưởng không nhỏ đến các lĩnh vực kinh doanh bao gồm lĩnh vực giao thông thông minh, dự án dịch vụ tại trạm thu phí. Điều này đã dẫn đến sự sụt giảm trong doanh thu và lợi nhuận, cụ thể:

- Doanh thu: 144 tỷ đồng (-50% so với 2020)
- Lợi nhuận sau thuế: 7 tỷ đồng (-64% so với 2020)

Năm 2022 sẽ đánh dấu sự trở lại của các dự án đầu tư công của chính phủ, đặc biệt là dự án cao tốc - giao thông thông minh sẽ được đẩy mạnh, góp phần rất lớn trong việc tăng trưởng kết quả kinh doanh của công ty mẹ và cả ITD Group.

TỔNG KẾT

Năm 2021, ITD chưa có nhiều bứt phá trong hoạt động kinh doanh do sự bất ổn trong kinh tế - xã hội mà dịch bệnh gây nên cũng như sự khó khăn trong việc biến đổi mô hình, đầu tư và quản lý đã dẫn đến sự giảm sút về doanh thu và thị phần. Tuy chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, nhưng công ty đã đạt và vượt kế hoạch chỉ tiêu về lợi nhuận và EPS.

Năm 2022, chúng tôi tiếp tục nỗ lực tìm ra hướng đi mới trong công ty, cụ thể nâng cao năng lực xây dựng trung tâm dữ liệu cho các tập đoàn – mảng kinh doanh được dự đoán đầy triển vọng trong 5 năm tới. Ngoài ra, ban lãnh đạo cũng tìm kiếm các cơ hội M&A tại các doanh nghiệp có đội ngũ nhân lực tốt, tăng trưởng cao, phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài cho ITD. Cũng trong năm 2022, Ban Điều Hành đã đề xuất thông qua góp vốn thành lập Intelnet, một công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ chuỗi khối (blockchain) phục vụ cho mảng giáo dục và quản lý, chăm sóc khách hàng với hy vọng sẽ đạt được kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Kế Hoạch Và Định Hướng Của HĐQT

Giữ vai trò đại diện quyền lợi cho cổ đông ITD, trong năm 2021, HĐQT đương nhiệm của Công ty Tiên Phong gồm có 7 thành viên đã tích cực thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đã thông qua các nội dung như sau:

- ✓ Thông qua định hướng hoạt động của công ty trong năm tài chính 2021. Thực hiện họp định kỳ hàng quý, xem xét thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và cả năm. Giám sát tình hình tuân thủ các quy định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh của công ty;
- ✓ Rà soát chiến lược công ty nhằm đáp ứng các thách thức của thị trường. Giao TGD triển khai đến các công ty thành viên trong tập đoàn;
- ✓ Quyết định nguyên tắc tham dự thầu đối với các gói thầu có giá trị lớn và xem xét đánh giá các dự án tiềm năng. Xem xét tiến độ thực hiện, kiểm soát chi phí và rủi ro các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- ✓ Thông qua việc Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty con của ITD) liên danh với các đơn vị khác ký kết hợp đồng VNG Data Center với giá trị là 632 tỷ đồng;
- ✓ Thông qua kế hoạch vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu với hạn mức vay không vượt quá 40.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ đồng).
- ✓ Triển khai hoàn tất phương án chuyển đổi chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 12% từ hình thức chi trả bằng tiền mặt sang hình thức chi trả bằng cổ phần theo ủy quyền của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản ngày 14/12/2021;
- ✓ Phê chuẩn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion;
- ✓ Phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty cổ phần Intelnet;
- ✓ Hoàn tất rà soát, sửa đổi, bổ sung “Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động” nhằm tạo điều kiện cho Nhân viên các công ty có cơ hội gắn kết sở hữu và đồng hành cùng với Công ty;
- ✓ Công tác nhân sự:
 - Tái bổ nhiệm Ông Lâm Thiếu Quân là Tổng giám đốc kể từ ngày 16/08/2021;
 - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Vĩnh Thuận là Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành kể từ ngày 07/06/2022;
 - Bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Thu Hà là Giám đốc Kiểm Soát nội bộ kể từ ngày 07/06/2022.

Theo nhiều chuyên gia, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều rủi ro thách thức. Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do mở ra nhiều triển vọng hội nhập và phát triển kinh doanh hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Với năng lực chuyên môn kinh doanh hiện tại và kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn trong quá khứ sẽ là những bài học, những hành trang quý giá cho ITD trong quá trình hội nhập phát triển. Với thị trường cơ hội nhưng thử thách, năm 2021, HĐQT chủ trương tiếp tục cẩn trọng trong việc tổ chức hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh xây dựng và kết hợp phát triển các giải pháp tích hợp trong 4 lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn: (1) Lĩnh vực điện – tự động và đo lường (ECI), (2) Lĩnh vực Viễn thông – tin học (ICT), (3) Lĩnh vực Giao thông thông minh (ITS), (4) Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện (ETI).

Kế Hoạch Và Định Hướng Của HĐQT

Nhiệm vụ kinh doanh năm 2022

Năm 2022 với kỳ vọng tình hình dịch bệnh Covid-19 sẽ được kiểm soát, chuỗi cung ứng toàn cầu từng bước khôi phục. Tại Việt Nam, các chính sách kích cầu, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh đầu tư công đang được nhà nước triển khai nhằm vực dậy nền kinh tế sau thời gian trì trệ do ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh. Mặc dù vậy, lạm phát tăng cao khi giá nhiên liệu bị đẩy lên do ảnh hưởng từ cuộc chiến Nga – Ukraine.

Các khó khăn của tình hình kinh tế vĩ mô chắc chắn sẽ có tác động đáng kể đến kế hoạch kinh doanh của ITD Group. Do vậy, các chỉ tiêu nhiệm vụ 2022 theo như chiến lược được đề ra như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
Doanh thu thuần (Hợp nhất)	Triệu đồng	820.000
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ	Triệu đồng	30.000
EPS	Đồng/Cổ phần	1.193
Cổ tức năm 2022 dự kiến	%	>=10% bằng tiền mặt

Năm 2022, Tập đoàn tiếp tục tập trung phát triển và củng cố các hoạt động kinh doanh cốt lõi của các Công ty thành viên nhằm mang lại hiệu quả tối ưu như sau:

- Lĩnh vực điện – tự động và đo lường (ECI).
- Lĩnh vực Viễn thông – tin học (ICT).
- Lĩnh vực Giao thông thông minh (ITS).
- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện (ETI).

Thận trọng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm mới, giải pháp mới, tìm kiếm thị trường mới. Tổ chức đội ngũ chuyên trách hỗ trợ các đơn vị thành viên có được bộ máy quản lý chuyên nghiệp và có hiệu quả hoạt động cao.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty; áp dụng các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ để hoàn thiện bộ máy điều hành.



Chiến lược 2020 - 2025

Trong giai đoạn 2020 – 2025, tập đoàn triển khai song hành hai định hướng chiến lược chính:

- 1) **Định hướng năng động:** Mở rộng thị phần và số lượng khách hàng, kịp thời nắm bắt các xu hướng kinh doanh mới và tiến bộ kỹ thuật từ phía khách hàng, từ đó nhanh chóng tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới.
- 2) **Định hướng sáng tạo:** Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong tập đoàn, đặt mục tiêu đổi mới sáng tạo là yếu tố sống còn và là kim chỉ nam trong các định hướng chiến lược.

Theo định hướng chiến lược, tập trung duy trì và phát triển có chiều sâu các lĩnh vực kinh doanh và khách hàng trọng yếu của công ty:

- Lĩnh vực giao thông thông minh – ITS: Là hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong lĩnh vực giám sát, điều hành và quản lý giao thông trên các quốc lộ, cao tốc và giao thông đô thị;
- Lĩnh vực tin học viễn thông – ICT: Là hệ thống các dịch vụ, giải pháp kỹ thuật, công nghệ viễn thông tin học được áp dụng trong việc quản lý doanh nghiệp và quản lý nhà nước;
- Lĩnh vực điện tự động – ECI: Là lĩnh vực bao gồm các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ ứng dụng công nghệ điều khiển, đo lường và tự động hóa quá trình sản xuất (process automation) và điều khiển máy móc thiết bị, bao gồm cả thiết bị, hệ thống điện động lực trong phạm vi nhà máy;
- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện – ETI: Là lĩnh vực bao gồm nhiều các dịch vụ, sản phẩm và giải pháp công nghệ được cung cấp và lắp đặt để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật điện cho sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung vào các dự án có yêu cầu cao về chất lượng và mức độ sẵn sàng của nguồn điện.

Mục tiêu của ITD Group đến năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng từ **15% – 20%/năm/đơn vị kinh doanh** đến năm 2025 trở thành 1 trong 5 công ty hàng đầu tại Việt Nam trong việc cung ứng các giải pháp cho thành phố và nhà máy thông minh với doanh thu hợp nhất ít nhất **1.600 tỷ**;
- Lợi nhuận ròng của công ty mẹ đảm bảo mức cổ tức hàng năm cho cổ đông **tối thiểu 10%**;
- Các công ty thành viên trong tập đoàn quyết liệt trong việc đầu tư, tìm kiếm, phát triển sản phẩm và giải pháp mới với tỷ trọng tăng dần từ **15% - 25%**;
- Mạnh mẽ đầu tư và triển khai việc tin học hóa trong quản lý để đến năm 2025 tự hào là doanh nghiệp đi đầu trong chuyển đổi số với trên **80%** qui trình được quản lý bằng phần mềm.

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Quản trị công ty năm 2021

Thành viên HĐQT

7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2021-2025) được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 29 tháng 6 năm 2021 bao gồm 4 thành viên nhiệm kỳ trước và 3 thành viên mới (trong đó gồm 2 thành viên độc lập).

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT	Tài chính đầu tư
2	Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Quản trị HTTT, Kinh tế, Kỹ sư thủy lợi
3	Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	Vật lý, Kinh tế thông tin, Quản trị kinh doanh
4	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT	Kỹ sư điện – tự động hóa, Quản trị kinh doanh
5	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	Kỹ sư điện tử
6	Ông Mạc Quang Huy	Thành viên độc lập	Tài chính, kế toán, và đầu tư
7	Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên độc lập	Kinh doanh và tài chính ngân hàng

Ông Nguyễn Đức Thắng



Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đức Thắng là một doanh nhân dày dặn kinh nghiệm với niềm đam mê cho các sáng tạo khởi nghiệp. Ông đã sáng lập và đồng sáng lập nhiều công ty như: Red Square Việt Nam, Trust Circle, mỹ phẩm e.l.f Việt Nam, Iflix Việt Nam, Gohub, E-warehouse, Food Network. Trước ITD, ông Thắng từng là thành viên HĐQT và tư vấn chiến lược cho các công ty niêm yết như Phú Tài, Thực phẩm Cholimex, Cao su Phước Hòa, ...

Ông tốt nghiệp đại học và cao học quản trị kinh doanh tại Đại học Kinh tế TP.HCM (UEH) và hoàn thành khóa đào tạo nhà quản lý cấp cao của Đại học Stanford (Mỹ). Trong hoạt động cộng đồng, ông là một trong những thành viên sáng lập quỹ từ thiện học bổng cựu sinh viên SEP (Stanford) và đồng sáng lập kiêm chủ tịch của Việt Nam Alumni Mentoring.

Thành viên HĐQT

Ông Lâm Thiếu Quân

Là nhà lãnh đạo có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình tăng trưởng của ITD. Với gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ông giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin Học & Điều khiển CATIC; Giám đốc Công ty TNHH TM Toàn Cầu A; Công ty TNHH TM Siêu Tính; Công ty TNHH Cơ khí Thạch Anh; Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu, Công Nghệ Tín Thông, và Công Nghệ Thiên Vận.

Ông tốt nghiệp 3 chuyên ngành bao gồm: Thủy lợi tổng hợp tại Đại học Bách Khoa HCM, Kinh tế Ngoại thương tại Đại học Kinh tế HCM và Quản Trị Hệ Thống Thông Tin tại Trường đào tạo quản lý DN (CBAM).



Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc



Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hữu Dũng

Tham gia ITD từ những năm 1996, ông Nguyễn Hữu Dũng đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ITD qua các vị trí trưởng phòng kinh doanh, trưởng VPĐD, Phó tổng Giám đốc và thành viên HĐQT.

Có gần 30 năm kinh nghiệm cũng như đảm nhiệm vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ và kỹ thuật. Bên cạnh là thành viên HĐQT của ITD ông còn là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu, chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Global – Sitem, Thành viên HĐQT công ty Tánh Linh và công ty Thiên Vận.

Bà Doãn Thị Bích Ngọc

Là thành viên HĐQT của ITD từ năm 2015 đến nay, bà là một nhà quản trị xuất sắc và luôn tiên phong trong việc hiện đại hoá bộ máy quản trị. Bà Ngọc có nhiều năm kinh nghiệm lĩnh vực kinh doanh với các vị trí Trưởng phòng kinh doanh Công ty Vật tư Bưu điện II, Giám đốc Công ty COKYVINA và là thành viên HĐQT – Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến.

Bà hoàn thành bậc Cử Nhân Vật Lý – Cử Nhân Kinh Tế Thông Tin – Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh.



Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT



Thành viên HĐQT kiêm
Giám đốc kinh doanh

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận với nhiều kinh nghiệm chuyên sâu về ITS, lĩnh vực giao thông thông minh, ông đã đồng hành gắn bó hơn 17 năm với ITD Group.

Hiện tại ông là Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Công ty Tiên Phong, đồng thời là thành viên HĐQT công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TP HCM ngành Điện – Tự động hóa và thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại Học UBIS (Thụy Sĩ).

Ông Mạc Quang Huy

Với 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực tư vấn tài chính, ngân hàng đầu tư, chứng khoán, kế toán và kiểm toán. Ông có 9 năm kinh nghiệm làm việc cho KPMG, một trong bốn tập đoàn tư vấn tài chính và kiểm toán hàng đầu quốc tế; 5 năm kinh nghiệm làm việc với các tập đoàn ngân hàng đầu tư hàng đầu quốc tế (Lehman Brothers và Nomura) tại Nhật Bản và Úc; 8 năm làm lãnh đạo các Công ty CP chứng khoán MB và KBSV.

Hiện Ông Huy điều hành Công ty TNHH MAC CAPITAL và tham gia HĐQT các công ty như Công ty CP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam, Công ty CP FiinGroup; Công ty CP Công Nghệ Tiên Phong (ITD) và làm Chủ tịch 4 quỹ mở do Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank (“VCBF”) quản lý.

Ông tốt nghiệp thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh tại Đại Học Herriot Watt, Anh và là hội viên của Hiệp Hội Chứng Khoán và Đầu Tư Công Chứng Anh (MCSI).



Thành viên HĐQT



Thành viên HĐQT

Ông Lưu Đức Khánh

Ông là chuyên gia của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Tham gia vào HĐQT ITD, ông định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công nghệ nhằm phát triển ITD trở thành công ty công nghệ hàng đầu tại Việt Nam. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm tại các vị trí Giám đốc điều hành, chiến lược tại các ngân hàng Vietcombank, HSBC, Techcombank, ABB, và HDBank. Ngoài ra, ông còn là Giám đốc điều hành của Công ty CP Hàng không Vietjet Air từ năm 2011 đến nay.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế tại Đại học New England; Cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh và Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

Thành viên Ban Giám đốc

	Thành viên Ban Giám Đốc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc	Quản trị HTTT, Kinh tế, Kỹ sư thủy lợi
2	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Giám đốc kinh doanh	Kỹ sư điện và Quản trị kinh doanh
3	Ông Phạm Đức Long	Giám đốc điều hành	Quản trị kinh doanh và CNTT
4	Ông Lê Lương Giang	Giám đốc Phát triển Đầu tư	Tài chính, kế toán, và đầu tư
5	Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc tài chính	Kinh doanh và tài chính ngân hàng

Ông Phạm Đức Long



Giám đốc điều hành

Gia nhập ITD Group từ năm 2000 với vai trò là Giám đốc điều hành phụ trách mảng kinh doanh và quản lý dự án. Ông Long đã có nhiều đóng góp trong việc thúc đẩy quá trình mở rộng và phát triển của ITD, có thể kể đến:

- Tham gia các hoạt động kinh doanh tiếp thị trong nhiều lĩnh vực như Auto-ID, ICT và ITS.
- Xây dựng và phát triển giải pháp tích hợp hệ thống.
- Điều hành các hoạt động, phát triển phần mềm.
- Trực tiếp tham gia và triển khai các dự án lớn của Công ty các giai đoạn tư vấn, thiết kế, triển khai và tích hợp giải pháp

Ông là kỹ sư Khoa Công nghệ thông tin của Đại Học Bách Khoa đồng thời là Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.

Ông Lê Lương Giang

Gia nhập ITD Group năm 2016, ông là Giám đốc Phát triển đầu tư đồng thời là Giám đốc Công ty Siêu Tính có hơn 20 năm kinh nghiệm kinh doanh, tiếp thị, quản lý, điều hành và kiến thức chuyên sâu về B2B và B2C trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin. Ông là một nhà quản lý chuyên nghiệp với tinh thần doanh nhân cùng với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh công nghệ. Trước đó ông đảm trách vị trí quản lý, điều hành cho các công ty như: VNPT, FPT, Amigo, Samsung, ...



Giám đốc Phát triển Đầu tư



Giám đốc tài chính

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

Bà gắn bó với ITD 14 năm và có nhiều kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính. Bà là một trong những người người có nhiều nhiệt huyết với ITD Group. Hiện Bà đang là Giám Đốc Tài Chính tại Công ty Tiên Phong và thành viên HĐQT Công ty Tân Tiến.

Bà tốt nghiệp ngành kế toán tại Đại Học Kinh Tế TP HCM.

Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2021

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung														
1	Không số	29/6/2021	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020. ✓ Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020. ✓ Thông qua việc trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2020. ✓ Thông qua mức cổ tức năm 2020: là 12% bằng tiền mặt, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn vốn: Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 đã kiểm toán. • Thời gian thanh toán: ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể và tiến hành công bố thông tin theo quy định. ✓ Quyết định kế hoạch cho năm tài chính của công ty trong năm 2021. ✓ Thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát đương nhiệm lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2021. ✓ Thông qua chương trình VSOP năm 2021 (dựa trên kết quả kinh doanh 2020) như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ VSOP là 01% tổng số cổ phần đang lưu hành (tương ứng với số lượng VSOP là: 189.926 cổ phần ảo). • Đối tượng được hưởng chính sách VSOP được quy định tại Phụ lục. • Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đương nhiệm quyết định số lượng VSOP cụ thể cho từng đối tượng và phương thức triển khai thực hiện chương trình VSOP 2021 theo quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động hiện hành của công ty. ✓ Thống nhất điều chỉnh mức thù lao Ban quản trị như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Thù lao cơ bản: áp dụng từ 01/04/2021, ĐVT: đồng/tháng. <table border="1" style="margin-left: 40px; margin-top: 10px;"> <thead> <tr> <th>Ban quản trị</th> <th>Đề xuất mới</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chủ tịch HĐQT</td> <td>7.500.000</td> </tr> <tr> <td>Thành viên HĐQT (độc lập)</td> <td>6.000.000</td> </tr> <tr> <td>Thành viên HĐQT (không độc lập)</td> <td>5.000.000</td> </tr> <tr> <td>Trưởng BKS</td> <td>5.000.000</td> </tr> <tr> <td>Thành viên BKS</td> <td>3.000.000</td> </tr> <tr> <td>Thư ký công ty</td> <td>2.500.000</td> </tr> </tbody> </table> 	Ban quản trị	Đề xuất mới	Chủ tịch HĐQT	7.500.000	Thành viên HĐQT (độc lập)	6.000.000	Thành viên HĐQT (không độc lập)	5.000.000	Trưởng BKS	5.000.000	Thành viên BKS	3.000.000	Thư ký công ty	2.500.000
Ban quản trị	Đề xuất mới																
Chủ tịch HĐQT	7.500.000																
Thành viên HĐQT (độc lập)	6.000.000																
Thành viên HĐQT (không độc lập)	5.000.000																
Trưởng BKS	5.000.000																
Thành viên BKS	3.000.000																
Thư ký công ty	2.500.000																

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	Không số	29/6/2021	<p>(Thù lao họp: 300,000 đồng/buổi)</p> <p>2. Thù lao bổ sung: theo kết quả kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ 05% trên phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch thuộc cổ đông công ty mẹ. • ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng cơ chế đánh giá mức độ đóng góp của các thành viên Ban quản trị để làm cơ sở hưởng thù lao bổ sung theo kết quả kinh doanh. <p>✓ Thông qua những nội dung Điều lệ thay đổi theo Tờ trình và Toàn văn bản (Phụ lục 1 – Toàn văn “Điều lệ”).</p> <p>✓ Thông qua những nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty thay đổi theo Tờ trình và Toàn văn bản (Phụ lục 2 – Toàn văn “Quy chế nội bộ về quản trị công ty”).</p> <p>✓ Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Bùi Hoàng Anh kể từ ngày 26/3/2021.</p> <p>✓ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới, giai đoạn 2021 – 2025, gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bà Doãn Thị Bích Ngọc 2. Ông Lâm Thiếu Quân 3. Ông Nguyễn Vĩnh Thuận 4. Ông Nguyễn Hữu Dũng 5. Ông Nguyễn Đức Thắng 6. Ông Mạc Quang Huy 7. Ông Lưu Đức Khánh <p>✓ Thành viên BKS nhiệm kỳ mới, giai đoạn 2021 – 2025, gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bà Trịnh Thị Thúy Liễu 2. Bà Đỗ Thị Thu Hà 3. Bà Mai Ngọc Phượng
2	Không số (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	14/12/2021	<p>✓ Thống nhất thông qua phương án chuyển đổi chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 12% từ hình thức chi trả bằng tiền mặt sang hình thức chi trả bằng cổ phần.</p>

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị thành lập 03 Tiểu ban trực thuộc:

1. **Tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn:** Ông Nguyễn Đức Thắng (Trưởng Ban), Bà Doãn Thị Bích Ngọc, Ông Lưu Đức Khánh và Ông Lâm Thiếu Quân.
2. **Tiểu ban chiến lược kinh doanh và đầu tư:** Ông Nguyễn Hữu Dũng (Trưởng Ban), Bà Doãn Thị Bích Ngọc, Ông Nguyễn Đức Thắng, Ông Mạc Quang Huy và Ông Nguyễn Vĩnh Thuận.
3. **Tiểu ban chính sách quản trị:** Ông Mạc Quang Huy (Trưởng Ban), Ông Lưu Đức Khánh, Ông Nguyễn Vĩnh Thuận và Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Quản trị công ty năm 2021

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2021 đến ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành 09 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	004/2020/NQ-HĐQT-CBTT (Nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	04/05/2021	<ul style="list-style-type: none">✓ Thống nhất tổ chức ĐHĐCĐ kỳ họp thường niên năm 2021 (“Đại hội 2021”) với các nội dung như sau:✓ Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu Công ty CP Công nghệ Tiên Phong để thực hiện tham dự Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2021 là: ngày 28/05/2021✓ Nội dung cụ thể:<ul style="list-style-type: none">• Tỷ lệ thực hiện: Đối với cổ phiếu phổ thông: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết.• Thời gian thực hiện: Từ 13h30 – 17h00, ngày 29/06/2021.• Địa điểm thực hiện: Tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM✓ Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc nhân sự – Bà Phạm Thị Hải Thi từ ngày 01/05/2021.
2	005/2020/NQ-HĐQT-CBTT	01/06/2021	<ul style="list-style-type: none">✓ Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4/2020 (01/01/2021-31/03/2021) và năm tài chính 2020 (01/04/2020-31/03/2021) của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong.✓ Thống nhất trình ĐHĐCĐ ITD tại kỳ họp thường niên 2021:<ul style="list-style-type: none">• Tình hình sử dụng và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi• Trích lập Quỹ đầu tư phát triển• VSOP 2021 (dựa trên kết quả kinh doanh 2020): 01% với số lượng 189.926 cổ phần• Tỷ lệ chi trả cổ tức 2020 với: 12% bằng tiền mặt• Kế hoạch kinh doanh 2021 với: (1) Doanh thu: 660 tỷ đồng, (2) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 38 tỷ đồng, (3) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ: 25 tỷ đồng, (4) mức cổ tức kế hoạch 2021 dự kiến là $\geq 10\%$.✓ Thống nhất nội dung Thư mời, Chương trình Đại hội, Mẫu giấy ủy quyền và Mẫu văn bản đề cử ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2021-2025.
3	001/2021/NQ-HĐQT-CBTT (Nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	02/07/2021	<ul style="list-style-type: none">✓ Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thống nhất bầu Ông Nguyễn Đức Thắng làm Chủ tịch HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
4	002/2021/NQ-HĐQT-CBTT (Nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	06/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT. <ul style="list-style-type: none"> • Tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn: Ông Nguyễn Đức Thắng (Trưởng Ban), Bà Doãn Thị Bích Ngọc, Ông Lưu Đức Khánh và Ông Lâm Thiếu Quân. • Tiểu ban chiến lược kinh doanh và đầu tư: Ông Nguyễn Hữu Dũng (Trưởng Ban), Bà Doãn Thị Bích Ngọc, Ông Nguyễn Đức Thắng, Ông Mạc Quang Huy và Ông Nguyễn Vĩnh Thuận. • Tiểu ban chính sách quản trị: Ông Mạc Quang Huy (Trưởng Ban), Ông Lưu Đức Khánh, Ông Nguyễn Vĩnh Thuận và Ông Nguyễn Hữu Dũng.
5	003/2021/NQ-HĐQT-CBTT	30/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua việc Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty con của ITD) liên danh cùng Công ty Site Preparation Management Co., Ltd (Sitem – Thailand) và Công ty TNHH Kinden Việt Nam ký kết hợp đồng với Công ty Cổ Phần Xây Dựng An Phong thực hiện toàn bộ công việc thi công dự án Trung Tâm Dữ Liệu Và Sản Xuất Phần Mềm – VNG Data Center - Gói thầu TP.03 – Công tác Cơ Điện Chính. Tổng giá trị hợp đồng là 632 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu đứng đầu liên danh.
6	004/2021/NQ-HĐQT-CBTT	16/08/2021	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2021 (01/04/2021-30/06/2021) của ITD. ✓ Thống nhất tái bổ nhiệm Ông Lâm Thiếu Quân là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong.
7	005/2021/NQ-HĐQT-CBTT	26/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2021 (01/07/2021-30/09/2021) của ITD. ✓ Thông qua chủ trương xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc chia trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 12% chuyển đổi từ hình thức chia trả bằng tiền mặt sang hình thức cổ phần. ✓ Thống nhất tờ trình về đối tượng và phương thức thực hiện VSOP năm 2021.
8	006/2021/NQ-HĐQT-CBTT (Nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	31/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua việc triển khai phương án chuyển đổi chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 12% từ hình thức chi trả bằng tiền mặt sang hình thức chi trả bằng cổ phần theo ủy quyền của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14/12/2021.
9	006/2021/NQ-HĐQT-CBTT	25/01/2022	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2021 (01/10/2021-31/12/2021) của ITD.

Quản trị công ty năm 2021

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Ban Kiểm soát có 3 thành viên với nhiệm kỳ 2021 – 2025. Danh sách Ban kiểm soát bao gồm:

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng BKS	Kế toán tài chính
2	Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên	Kế toán tài chính
3	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	Kế toán tài chính



Trưởng Ban kiểm soát

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu

Có 13 năm kinh nghiệm làm việc tại ITD Group trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Trước đây, bà đã từng đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Tài Chính tại ITD và tham gia vào Ban Kiểm Soát các công ty con của ITD. Hiện Bà đang là Giám Đốc Tài Chính của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam.

Bà tốt nghiệp ngành Tài chính – Kế Toán tại Đại học Tài chính Kế Toán.

Bà Mai Ngọc Phượng

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM. Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, bà Phượng đã có những đóng góp tích cực vào hoạt động của GLT Group.

Hiện tại bà Phượng giữ vị trí Kế toán trưởng tại Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu, Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu và là thành viên ban kiểm soát Công ty TNHH Global Sitem.



Thành viên
Ban kiểm soát



Thành viên
Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Đỗ Thị Thu Hà tốt nghiệp cử nhân kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán với hơn 20 năm kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán, kiểm soát tại các Công ty trong Tập đoàn Tiên Phong; hiện là trưởng phòng Kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Công nghệ Tiên Phong kiêm trưởng BKS Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm tài chính 2021, Ban kiểm soát hoạt động chủ yếu thông qua các hình thức sau:

- Ban kiểm soát có thành viên là Kiểm toán nội bộ làm việc chuyên trách tại công ty để thực hiện vai trò kiểm soát hoạt động và rủi ro. Trong năm, Kiểm toán nội bộ đã có các đợt kiểm toán, kiểm soát nội bộ nhằm rà soát quy trình, giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động của Công ty.
- Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng tham gia họp định kỳ với Ủy ban kiểm soát tập đoàn để giải quyết các vấn đề vướng mắc trong công tác kiểm soát hoạt động tài chính kế toán, đồng thời góp ý cải tiến trên tinh thần xây dựng và hợp tác nhằm giúp tăng cường hiệu quả kiểm soát của Công ty.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của ITD, đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn (A&C) để kiểm toán BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ năm tài chính 2021. Theo ý kiến của A&C được nêu trong báo cáo kiểm toán, các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm tài chính 2021 của ITD đã trình bày trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo kiểm toán 2021 của A&C.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm Soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: tổng thù lao đã chi trả cho HĐQT/BKS trong năm là 586.629.547 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng.)

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT	2.282.000	12.02%	1.346.240	6.31%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	1.015.165	5.32%	1.214.488	5.69%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Nguyễn Hoàng Minh	Con của thành viên HĐQT	13.800	0.07%	112.000	0.52%	Tăng tỷ lệ sở hữu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Lâm Thiệu Quân	TV HĐQT kiêm TGD	637.642	3.36%	89.535	0.42%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	Bên liên quan của TV HĐQT	1.200.000	6.32%	1.044.176	4.89%	Giảm tỷ lệ sở hữu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Phạm Đức Long	TV HĐQT GĐDH	130.612	0.69%	11.885	0.06%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu

Quản trị công ty năm 2021

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Bùi Hoàng Anh	TV HĐQT	9.480	0.05%	89	0.00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Nguyễn Vĩnh Thuận	TV HĐQT kiêm GD ITS	1.043.284	5.49%	154.989	0.73%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Lê Thị Thu Vân	Mẹ vợ của thành viên HĐQT	181.098	0.95%	109	0.00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Đào Thị Duy Trinh	Em dâu của thành viên HĐQT	17.500	0.09%	18.480	0.09%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Nguyễn Minh Tâm	Em của thành viên HĐQT	10.000	0.05%	0	0.00%	Tài chính cá nhân
12	Lê Thị Ngọc Phượng	Chị dâu của thành viên HĐQT	560.096	2.9%	107	0.00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Nguyễn Hữu Tiến	Anh của thành viên HĐQT	14.978	0.08%	6.471	0.03%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Công ty CP đầu tư Tánh Linh	Bên liên quan của TV HĐQT	691.102	3.64%	735.618	3.45%	Giảm tỷ lệ sở hữu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Hoàng Bích Diệp	Vợ của thành viên HĐQT	40.000	0.21%	0	0.00%	Tài chính cá nhân
16	Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng BKS	42.384	0.22%	94	0.00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Ngô Thị Vân	Mẹ chồng thành viên BKS	22.120	0.12%	22	0.00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
18	Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên BKS	27.600	0.15%	4.480	0.02%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	Huỳnh Thị Ngọc Nương	Mẹ chồng của thành viên BKS	19.050	0.1%	56	0.00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
20	Phan Thị Kim Anh	Thành viên BKS	6.900	0.04%	0	0.00%	Tài chính cá nhân
21	Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc tài chính	7.470	0.04%	0	0.00%	Tài chính cá nhân
22	Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	49.828	0.26%	24.335	0.11%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
23	Cao Mỹ Phương	Người công bố thông tin	16.102	0.08%	2	0.00%	Tài chính cá nhân

Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/03/2022

Phân Loại	Công ty mẹ		Công ty con		Tập đoàn Tiên Phong	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo giới tính	96	100	136	100	232	100
Nam	60	63	96	71	156	67
Nữ	36	38	40	29	76	33
Phân theo trình độ chuyên môn	96	100	136	100	232	100
Đại học và Trên đại học	77	80	104	76	181	78
Cao đẳng	7	7	16	12	23	10
Trung cấp	8	8	13	10	21	9
Khác	4	4	3	2	7	3
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	96	100	136	100	232	100
Không xác định thời hạn, Có xác định thời hạn từ 01 - 03 năm	95	99	135	99	230	99
Ngắn hạn dưới 01 năm	-	-	-	-	-	-
Thử việc	1	1	1	1	2	1

Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu chính sách tuyển dụng của công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên.

Chính sách đào tạo: Chính sách đào tạo hàng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên tương ứng những năng lực cốt lõi sau: năng lực nhận thức, sáng tạo, chuyên môn hóa cao, đa năng và làm việc đồng đội. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên – giảng viên nội bộ).

Chính sách đãi ngộ: Chính sách đãi ngộ được hoàn chỉnh một cách khoa học và hệ thống nhằm xây dựng, hoàn thiện và cải tiến hình thức đãi ngộ cho người lao động, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên, với các nội dung cụ thể:

- Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động.

Chính sách cho người lao động

- Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm và phát triển cùng Tập đoàn;
- Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
- Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển cùng Tập đoàn;
- Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty.

Chính sách thu nhập:

- Thu nhập cố định trả hàng tháng cho nhân viên được tính theo 02 yếu tố: năng lực cá nhân và yêu cầu của vị trí công việc. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực và thành tích, các công ty sẽ tổ chức xét điều chỉnh thu nhập cho nhân viên. Chính sách điều chỉnh thu nhập đột xuất được thực hiện đối với nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc khi nhân viên được bổ nhiệm vào vị trí công việc mới.
- Thu nhập cuối năm (thưởng): dựa vào mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển mang tính lâu dài, công ty xác định mục tiêu bộ phận, chỉ tiêu năng suất và nhiệm vụ của từng người lao động để làm cơ sở tính thưởng. Điểm nổi bật trong chính sách thưởng chính là tặng quyền chọn mua cổ phiếu cho nhân viên ưu tú và quản lý xuất sắc. Chính sách này gắn kết trách nhiệm và tâm huyết người lao động với sự nghiệp của công ty trên cơ sở trao quyền đồng sở hữu.

Chính sách phụ cấp - phúc lợi:

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo Luật Lao động:

- Thực hiện các hình thức phúc lợi bổ sung như bảo hiểm tai nạn 24h và khám sức khỏe định kỳ.
- Các hình thức đãi ngộ phi vật chất khác giúp xây dựng và định hình nét văn hóa riêng đặc sắc của Công ty Tiên Phong như: Team Building, tiệc Tất Niên,...

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng tinh gọn hơn, duy trì đội ngũ nhân lực giỏi và tận tâm, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên. Ban giám đốc luôn xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách của công ty để tạo ra một môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, góp phần mang lại hiệu quả cao cho công ty.

Quản trị rủi ro

Năm 2021, đại dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất làm việc của người lao động mà còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động của doanh nghiệp cả về chiến lược kinh doanh, điều hành, tài chính và nhân sự. Do đó, để giảm thiểu tối đa các rủi ro, ITD đã chủ động thực hiện các biện pháp quản trị để ứng phó linh hoạt dựa trên tình hình thực tế.

Rủi ro từ thị trường

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về tăng trưởng kinh tế	Năm 2021, tác động từ thế giới, nền kinh tế Việt Nam hết sức khó khăn. Tái cơ cấu tổ chức với tốc độ chậm gây ra nhiều rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng trung hạn của nền kinh tế, các khoản nợ dự phòng và nợ xấu liên quan tới ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều, giải quyết chưa triệt để.	<ul style="list-style-type: none">Nắm bắt các chính sách ưu đãi của nhà nước trong lĩnh vực điện, điện tử, tự động, công nghệ thông tin.Hợp tác, tiếp cận, học hỏi nhiều hơn trong quá trình cọ xát với thị trường công nghệ thế giới.
Rủi ro môi trường kinh doanh	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế, chính sách và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">Thường xuyên cập nhật các thay đổi môi trường kinh tế, chính sách, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	<ul style="list-style-type: none">Đưa ra chiến lược cung cấp dịch vụ toàn diện, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của khách hàng, từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị dịch vụ công nghệ thông tin.Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo để cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm.Liên tục tối ưu hoá hệ thống quy trình vận hành và chi phí.
Rủi ro về lãi suất	Hoạt động kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp dựa phần lớn vào nguồn vốn của khoản vay tín dụng, nên việc quan tâm đến yếu tố lãi suất là hoàn toàn hợp lý.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi sự thay đổi về chính sách lãi vay của ngân hàng và các gói hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau dịch bệnh Covid-19 để điều chỉnh lượng vốn vay, giảm thiểu chi phí lãi vay trong kỳ.
Rủi ro từ biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, và dự báo theo dõi.Phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.
Rủi ro về dịch bệnh	Dịch bệnh dẫn đến nhiều rủi ro về sức khỏe của người lao động và hoạt động kinh doanh bị đình trệ vì những chính sách giãn cách xã hội.	<ul style="list-style-type: none">Đảm bảo tuân thủ 5K và tổ chức tiêm vaccine, khám sức khỏe cho người lao động.Thường xuyên theo dõi sự thay đổi của các chính sách Nhà nước về phòng chống covid để đưa ra kế hoạch ứng phó linh hoạt.

Quản trị rủi ro

Rủi ro hoạt động

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, đánh giá thông qua việc quản lý danh mục đầu tư và dự án cụ thể.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi, giám sát thường xuyên tình hình thực hiện về tiến độ, ngân sách. Trường hợp dự án báo cáo định kỳ và có hướng ứng phó phù hợp với thay đổi.
Rủi ro hàng hóa không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ không đủ thiết bị, vật tư lắp đặt cho dự án.	<ul style="list-style-type: none">Quản lý hàng tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng hợp lý.
Rủi ro với bên cho thuê	Nguy cơ chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn hoặc giá thuê tăng đột biến.	<ul style="list-style-type: none">Lên kế hoạch thương thảo điều khoản hợp đồng có lợi cho 2 bên đồng thời tạo mối quan hệ thân thiết nếu được.
Rủi ro mất khách hàng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng và có các chính sách tương ứng đối với khách hàng quan trọng.
Rủi ro về nhân lực	Nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng và then chốt tạo nên thành công, đột phá cho doanh nghiệp. Rủi ro đối với quản trị nhân lực, đó là sự biến động nguồn nhân lực.	<ul style="list-style-type: none">Xây dựng mô hình phát triển nguồn nhân lực để nâng cao trình độ và hiệu suất làm việc.Xây dựng các chính sách về nhân sự, đảm bảo người lao động nhận được mức đãi ngộ tương xứng với năng lực và trình độ, tạo nên sự gắn bó lâu dài.

Rủi ro về luật định

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về luật pháp	Tất cả các doanh nghiệp đều hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, mọi hành vi pháp lý của doanh nghiệp luôn đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, những khác biệt trong hệ thống luật pháp ở các quốc gia khác nhau cũng là một nguyên nhân, rào cản để hạn chế việc tiếp cận thị trường khác của các doanh nghiệp trong nước.	<ul style="list-style-type: none">Liên tục nghiên cứu và cập nhật các chính sách định hướng lớn của chính phủ.Tuân thủ luật pháp cũng như môi trường văn hoá kinh doanh của các thị trường có liên quan.Xây dựng một bộ phận pháp lý hoàn toàn có thể hỗ trợ khi chính sách pháp luật thay đổi để kịp thời ứng phó.

Rủi ro về an ninh mạng

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng	Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với tổ chức doanh nghiệp. Việc thông tin bị lộ ra bên ngoài ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín, chiến lược của công ty.	<ul style="list-style-type: none">Áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an ninh hệ thống nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Công ty.

05

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia

Sự phát triển của ITD góp phần tạo nên sự phát triển cho ngành khoa học công nghệ nói riêng và kinh tế toàn Việt Nam nói chung. ITD cung cấp những sản phẩm dịch vụ nâng cao hiệu suất, độ chính xác và tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng.

Nâng cao chất lượng cuộc sống người Việt

Với các dự án trải dài trên toàn lãnh thổ Việt Nam, ITD đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cùng với những chính sách hỗ trợ người dân, đóng góp vào phát triển kinh tế và chất lượng sống của hàng ngàn hộ gia đình.



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Giảm thiểu xả thải và tiêu thụ năng lượng



Khoa học công nghệ phát triển đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường, là nền tảng phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh, ITD cung cấp dịch vụ lắp đặt năng lượng điện mặt trời cho nhiều khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.



TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Chung tay vì một cộng đồng phát triển lành mạnh

ITD luôn chú trọng vào phát triển xã hội – con người một cách lành mạnh, an toàn và giàu giá trị để kiến tạo sự phát triển kinh doanh bền vững lâu dài. Cụ thể, ITD luôn tạo công ăn việc làm cho nhiều người, bảo vệ sức khỏe cho người lao động trước tác động của đại dịch và đóng góp vào các quỹ an sinh xã hội, tạo hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào 31/3/2022

Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong

Mục Lục

1.	Báo cáo của Tổng Giám đốc	45 - 46
2.	Báo cáo của Kiểm toán độc lập	47
3.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2022	48-51
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	52
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	53-54
6.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	55-82
7.	Phụ Lục	83

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT
3	Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
4	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên
5	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
6	Ông Mạc Quang Huy	Thành viên
7	Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên
8	Ông Phạm Đức Long	Thành viên (miễn nhiệm 29/6/2021)
9	Ông Bùi Hoàng Anh	Thành viên (miễn nhiệm 26/3/2021)
10	Ông Thomas Lau Hermansen	Thành viên (miễn nhiệm 29/6/2021)

STT	Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban
2	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên
3	Bà Phan Thị Kim Anh	Thành viên (miễn nhiệm 29/6/2021)
4	Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lâm Thiều Quân
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 17 tháng 6 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C
LIÊN LẠC
TỔNG CÔNG TY
GIỚI THIỆU
TRUNG ƯƠNG
HỒ CHÍ MINH

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1


Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Tài Sản	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		556.982.708.978	499.610.342.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	71.487.869.936	41.680.571.665
1. Tiền	111		54.487.869.936	22.880.571.665
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	18.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		84.874.000.000	74.014.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	84.874.000.000	74.014.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		326.861.522.063	290.381.590.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	244.576.497.785	296.509.125.001
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	72.421.182.462	20.980.276.421
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	355.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	36.224.814.321	10.598.190.890
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(26.715.972.505)	(37.706.001.724)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	67.668.084.242	83.951.022.398
1. Hàng tồn kho	141		77.115.969.205	94.998.598.766
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.447.884.963)	(11.047.576.368)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.091.232.737	9.583.157.768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	410.479.545	3.641.538.929
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.535.330.671	5.897.080.838
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	3.145.422.521	44.538.001

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Tài Sản	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.275.502.150	93.734.572.413
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	5.827.118.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	15.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	16.000.000	5.812.118.000
II. Tài sản cố định	220		62.407.233.652	59.295.501.942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	46.697.867.208	42.748.151.912
- Nguyên giá	222		88.998.709.364	82.284.570.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.300.842.156)	(39.536.418.842)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.709.366.444	16.547.350.030
- Nguyên giá	228		25.375.830.146	25.260.570.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.666.463.702)	(8.713.220.116)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	17.880.712.625
- Nguyên giá	231		-	62.032.214.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(44.151.502.313)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		510.518.000	42.159.910
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	510.518.000	42.159.910
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.320.100.000	7.367.100.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	7.367.100.000	7.367.100.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.047.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.021.650.498	3.321.979.936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.335.957.032	2.984.059.326
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	685.693.466	337.920.610
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		627.258.211.128	593.344.914.832

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. NỢ PHẢI TRẢ	300		236.650.949.533	254.518.162.149
I. Nợ ngắn hạn	310		227.942.213.368	243.327.114.274
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	41.706.988.844	54.020.325.422
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	75.231.315.040	22.452.017.778
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	14.896.675.553	9.015.065.051
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.779.455.622	12.525.954.274
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.221.940.661	8.139.173.617
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	477.592.970	4.228.310.314
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	10.713.997.279	35.876.000.268
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	53.745.563.665	79.040.102.901
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22a	14.812.194.438	13.617.203.169
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	4.356.489.296	4.412.961.480
II. Nợ dài hạn	330		8.708.736.165	11.191.047.875
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	868.717.950	326.453.550
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	2.890.600.000	2.926.400.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22b	2.799.717.118	3.213.089.969
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.25	2.149.701.097	4.725.104.356

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		390.607.261.595	338.826.752.683
I. Vốn chủ sở hữu	410		390.607.261.595	338.826.752.683
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	213.436.540.000	190.647.980.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		213.436.540.000	190.647.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	415	V.26	(721.880.000)	(721.880.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	10.228.471.262	7.865.072.719
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	85.297.657.447	83.349.823.125
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kì trước</i>	421a		57.614.838.812	83.349.823.125
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kì này</i>	421b		27.682.818.635	-
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	82.366.472.886	57.685.756.839
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		627.258.211.128	593.344.914.832

TP Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 6 năm 2022


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng


Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	363.194.253.088	595.378.887.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		43.563.000	19.436.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		363.150.690.088	595.359.451.048
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	267.932.921.272	438.303.846.848
5. Lợi nhuận gộp bán hàng cung cấp dịch vụ	20		95.217.768.816	157.055.604.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.671.043.993	4.817.944.328
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.377.875.228	5.025.876.223
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.718.069.513	3.756.607.078
8. Phải thu về cho vay ngắn hạn	24			-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	44.921.550.253	49.123.919.727
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	32.620.925.934	53.928.933.403
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.968.461.394	53.794.819.175
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.320.131.355	10.547.835.612
13. Chi phí khác	32		232.348.858	1.983.090.127
14. Lợi nhuận khác	40		2.087.782.497	8.564.745.485
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.056.243.891	62.359.564.660
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	15.648.137.775	9.491.325.684
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.13;V.24	(383.572.856)	434.880.796
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		57.791.678.972	52.433.358.180
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		27.682.818.635	35.104.526.684
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		30.108.860.337	17.328.831.496
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.268	1.595
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.268	1.595

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 6 năm 2022


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng


Lâm Thiệu Quân
Tổng Giám đốc



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
Đơn vị: VNĐ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		73.056.243.891	62.359.564.660
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao và hao mòn	02	V.10;V.11;V.12	7.459.040.525	8.004.859.589
- Các khoản dự phòng	03	V.2;V.7;V.8;V.22	(711.253.435)	18.865.245.163
- Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(37.978.175)	321.836.660
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7	(59.242.581.410)	(14.141.786.187)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.718.069.513	3.756.607.078
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.25	(338.839.091)	2.235.079.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.902.701.818	81.401.406.396
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.479.202.370	(81.156.837.340)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.786.684.075	(5.554.108.730)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.726.082.737)	24.529.629.685
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.391.734.401)	1.254.669.691
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18;V.20;VI.4;V.16	(2.733.429.812)	(3.731.608.634)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(6.572.924.782)	(9.672.882.703)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23;V.25	(2.805.220.671)	(668.669.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.939.195.860	6.401.599.288
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm tài sản	21	V.10;V.11;V.12;VII	(7.546.424.698)	(9.792.511.264)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản	22	V.10;V.12;VI.7;VII	1.055.454.545	16.441.298.364
3. Tiền chi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a;V5	(49.905.000.000)	(65.297.468.506)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a;V5	38.690.000.000	63.519.425.891
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	I.6a	(1.944.000.000)	(9.490.280.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	I.6b;VII	29.110.837.049	-
7. Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia	27	V.6;VI.3	4.116.929.837	5.033.258.702
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.577.796.733	413.723.187

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.26	323.810.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	98.251.287.336	165.294.014.057
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(123.545.826.572)	(121.103.661.421)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20;V.26	(3.768.011.330)	(28.346.242.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.738.740.566)	15.844.110.046
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50		29.778.252.027	22.659.432.521
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	41.680.571.665	19.039.766.039
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.046.244	(18.626.895)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	71.487.869.936	41.680.571.665

TP Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 6 năm 2022


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là là kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: cung cấp hàng hóa, lắp đặt và dịch vụ lắp đặt thiết bị điện tử viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, Tập đoàn đã mua thêm 1,10% cổ phần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 50,42% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 106.958.393.511 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 1.944.000.000 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản	34.010.248.858
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.198.534
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.283.848.998
Phải thu ngắn hạn khác	117.799.584
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.257.828.338)
Hàng tồn kho	95.945.486
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.708.654.693
Phải thu dài hạn khác	5.750.368.000
Bất động sản đầu tư	15.617.020.515
Chi phí trả trước dài hạn	4.562.241.386
Nợ phải trả	3.689.873.823
Phải trả người bán ngắn hạn	9.100.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	999.827.811
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.402.274.546
Phải trả ngắn hạn khác	278.671.466
Tài sản thuần	30.320.375.035
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-
Tài sản thuần của Tập đoàn	30.320.375.035
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	100%
Tài sản thuần chuyển nhượng	30.320.375.035

Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại công ty con như sau:

Giá chuyển nhượng	90.026.192.357
Giá trị tài sản thuần tại ngày thoái vốn	(30.320.375.035)
Chi phí liên quan đến thanh lý khoản đầu tư	(4.134.879.547)
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	55.570.937.775

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại công ty con:

Thu bằng tiền	85.891.312.810
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	(132.198.534)
Tiền thu thuần	85.759.114.276

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng	88,59	90,13	88,59	90,13
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán camera quan sát, báo trộm, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng, thiết bị điện tử	98,80	98,80	98,80	98,80

Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán các thiết bị điện tử	69,14	69,14	69,14	69,14
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, tư vấn, cài đặt, triển khai hệ thống phần mềm tin học	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông và cho thuê trạm BTS	50,42	49,32	50,42	53,01
Công ty TNHH Global Sitem (**)	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị viễn thông tin học, thiết bị điện	32,14	31,44	63,75	63,75
Công ty Cổ phần In No(**)	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Tạm ngưng hoạt động	50,40	49,30	99,96	99,96
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu (**)	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cho thuê máy móc, thiết bị	-	49,32	-	100,00
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Số 01, Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phần mềm tin học	100,00	100,00	100,00	100,00

(*) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong không còn được nhận ủy quyền biểu quyết của một số cá nhân trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu nên tỷ lệ biểu quyết cuối năm giảm so với đầu năm.

(**) Các Công ty này là công ty con của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu. Ngày 31 tháng 3 năm 2022 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 232 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 257 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ xuất sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (31 năm) và quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (30 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cột ăng ten	06 - 10
Nhà trạm	05 - 10
Thiết bị phụ trợ khác	03 - 10

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 02% - 05% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.

- Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Hao mòn tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 04% lợi nhuận trước thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập của các năm sau.

18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

19. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	574.136.683	975.000.979
Tiền gửi ngân hàng	53.913.733.253	21.905.570.686
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>17.000.000.000</u>	<u>18.800.000.000</u>
Cộng	<u><u>71.487.869.936</u></u>	<u><u>41.680.571.665</u></u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

Trong đó các khoản tiền gửi có giá trị 53.924.000.000 VND (số đầu năm là 40.274.000.000 VND) đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay, hạn mức tín dụng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành sản phẩm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (thuyết minh V.21).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	2.310.000.000	2.310.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	<u>(2.310.000.000)</u>	<u>(2.310.000.000)</u>
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động và đã nộp hồ sơ chờ giải thể.

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 736.710 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam chiếm tỷ lệ 2% vốn điều lệ của công ty này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	3.047.000.000	-
Số cuối năm	<u>3.047.000.000</u>	<u>-</u>

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	219.400.000	219.400.000
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	219.400.000	219.400.000
Phải thu các khách hàng khác	244.357.097.785	296.289.725.001
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	13.614.104.043	27.427.973.049
Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Nam- Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	11.179.140.555
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	71.140.156.084	87.175.733.935
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	10.315.339.710	-
Công ty TNHH Hải Linh	30.320.743.340	23.286.994.153
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	49.184.981.000	-
Các khách hàng khác	69.781.773.608	147.219.883.309
Cộng	<u>244.576.497.785</u>	<u>296.509.125.001</u>

Khoản phải thu khách hàng với số tiền 20.746.085.049 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (xem thuyết minh số V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Stulz GmbH	11.404.063.100	4.534.543.518
Công ty TNHH Kinden Việt Nam	24.322.122.306	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark	13.545.139.036	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	5.633.351.174	-
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Tường	-	4.180.856.258
Welker Inc.	-	2.928.353.881
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Công trình 575	-	2.009.462.248
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị điện Lâm Nguyên	-	1.038.161.716
Các nhà cung cấp khác	17.516.506.846	6.288.898.800
Cộng	<u>72.421.182.462</u>	<u>20.980.276.421</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH Công nghệ mạng Sao Kim vay với lãi suất 2,5%/năm.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	77.791.250	(77.791.250)	77.791.250	(77.791.250)
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	77.791.250	(77.791.250)	77.791.250	(77.791.250)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	36.147.023.071	(10.000.000)	10.520.399.640	(10.000.000)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.514.829.073	-	2.051.120.222	-
Tạm ứng	2.565.220.947	-	4.018.132.552	-
Lãi dự thu	1.831.151.903	-	2.331.892.650	-
Công ty TNHH SK C&C(*)	1.177.273.865	-	1.177.273.865	-
Phải thu tiền cổ tức	113.400.281	-	113.400.281	-
Ký quỹ bảo lãnh tạm ứng – Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	13.105.010.740	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu - Phải thu chuyển nhượng Công ty con	7.724.619.357	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn	5.200.706.291	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.914.810.614	(10.000.000)	828.580.070	(10.000.000)
Cộng	36.224.814.321	(87.791.250)	10.598.190.890	(87.791.250)

(*) Khoản tiền đảm bảo bảo hành công trình mà Công ty trả cho Công ty TNHH SK C&C thay Chủ đầu tư. Công ty sẽ thu lại từ Chủ đầu tư (hoặc từ Công ty TNHH SK C&C) khi hết hạn bảo hành công trình hoặc sớm hơn theo thỏa thuận hợp đồng. Khoản tiền này được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành thư bảo lãnh thanh toán nhằm đảm bảo khả năng thu hồi cho Công ty.

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		297.191.250	-		297.191.250	-
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Trên 03 năm	297.191.250	-	Trên 03 năm	297.191.250	-
Các tổ chức và cá nhân khác		27.372.237.816	953.456.561		44.683.925.005	7.275.114.531
Ngân hàng TMCP Công thương VN	Trên 03 năm	-	-	Trên 03 năm	9.125.140.300	2.737.542.090
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	Từ 02 đến dưới 03 năm	8.466.562.797	840.056.280	Từ 01 đến dưới 03 năm	8.400.562.797	2.520.168.839
Công ty Cổ phần Máy tính Hoàn Long	Trên 03 năm	2.728.216.314	-	Trên 03 năm	2.728.216.314	-
Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	Trên 03 năm	3.092.882.671	-	Trên 03 năm	3.092.882.671	-
Công ty Cổ phần 715	Trên 03 năm	2.196.346.285	-	Trên 03 năm	2.196.346.285	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TM Băng Dương	Trên 03 năm	3.896.814.588	-	Từ 02 đến dưới 03 năm	3.896.814.588	1.169.044.376
Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn Cầu		-	-	Từ 01 đến 02 năm	58.160.000	29.080.000
		-	-	Từ 02 năm 03 năm	1.502.275.562	450.682.669
		-	-	Trên 03 năm	5.697.392.777	-
Các tổ chức và cá nhân khác	Từ 02 đến 03 năm	-	-	Từ 02 đến 03 năm	24.574.638	12.287.319
	Trên 03 năm	6.991.415.161	113.400.281	Trên 03 năm	7.961.559.073	356.309.238
Cộng		27.669.429.066	953.456.561		44.981.116.255	7.275.114.531

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	37.706.001.724	25.411.484.212
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.940.180.448)	12.720.484.174
Xử lý xóa sổ	(792.020.433)	(425.966.662)
Thoái vốn công ty con	(7.257.828.338)	-
Số cuối năm	<u>26.715.972.505</u>	<u>37.706.001.724</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.722.851.272	(1.067.786.415)	2.712.234.545	(1.006.730.874)
Công cụ, dụng cụ	-	-	900.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	56.702.325.762	(273.195.677)	70.835.352.308	(273.195.677)
Thành phẩm	5.405.374.447	(2.625.505.668)	37.403.785	(4.479.654)
Hàng hóa	12.285.417.724	(5.481.397.203)	21.412.708.128	(9.763.170.163)
Cộng	<u>77.115.969.205</u>	<u>(9.447.884.963)</u>	<u>94.998.598.766</u>	<u>(11.047.576.368)</u>

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	252.405.955	118.902.825
Tiền thuê văn phòng, nhà xưởng, trạm	-	3.120.443.991
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	158.073.590	402.192.113
Cộng	<u>410.479.545</u>	<u>3.641.538.929</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	810.478.214	1.257.890.410
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	569.890.598	593.802.098
Chi phí sửa chữa	884.636.969	1.080.733.473
Các chi phí trả trước dài hạn khác	70.951.251	51.633.345
Cộng	<u>2.335.957.032</u>	<u>2.984.059.326</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.325.949.061	24.634.349.052	6.558.511.370	2.765.761.271	82.284.570.754
Mua trong năm	-	4.637.000.000	2.492.286.364	184.785.000	7.314.071.364
Tặng từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	56.533.220	56.533.220
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(505.215.427)	(151.250.547)	(656.465.974)
Phân loại lại	-	15.176.621	-	(15.176.621)	-
Số cuối năm	<u>48.325.949.061</u>	<u>29.286.525.673</u>	<u>8.545.582.307</u>	<u>2.840.652.323</u>	<u>88.998.709.364</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	233.238.338	16.651.123.412	3.916.758.855	2.018.690.540	22.819.811.145
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	14.763.467.813	17.717.794.039	4.892.073.059	2.163.083.931	39.536.418.842
Khấu hao trong năm	1.565.202.966	877.012.939	711.011.129	109.578.659	3.262.805.693
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	158.083.595	158.083.595
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(505.215.427)	(151.250.547)	(656.465.974)
Phân loại lại	(138.014.933)	15.176.621	(23.905.190)	146.743.502	-
Số cuối năm	16.190.655.846	18.609.983.599	5.073.963.571	2.426.239.140	42.300.842.156

Giá trị còn lại

Số đầu năm	33.562.481.248	6.916.555.013	1.666.438.311	602.677.340	42.748.151.912
Số cuối năm	32.135.293.215	10.676.542.074	3.471.618.736	414.413.183	46.697.867.208
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định có giá trị còn lại là 793.222.581 VND đã thế chấp để đảm bảo khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (xem thuyết minh số 21).

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.053.529.245	1.207.040.901	25.260.570.146
Mua trong năm	-	115.260.000	115.260.000
Số cuối năm	24.053.529.245	1.322.300.901	25.375.830.146
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	531.632.837	531.632.837
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.030.637.603	682.582.513	8.713.220.116
Khấu hao trong năm	767.665.836	185.577.750	953.243.586
Số cuối năm	8.798.303.439	868.160.263	9.666.463.702
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.022.891.642	524.458.388	16.547.350.030
Số cuối năm	15.255.225.806	454.140.638	15.709.366.444
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	62.032.214.938	44.151.502.313	17.880.712.625
Mua mới	378.456.226		
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	600.842.910		
Khấu hao trong năm		3.242.991.246	
Thanh lý	(2.669.008.903)	(2.669.008.903)	
Thoái vốn công ty con	<u>(60.342.505.171)</u>	<u>(44.725.484.656)</u>	
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê		-	

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	337.920.610	820.201.406
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	347.772.856	(482.280.796)
Số cuối năm	<u>685.693.466</u>	<u>337.920.610</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
ABB Pte. Ltd.	6.092.050.854	14.984.780.672
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark Trading And Solution Consulting Inc	5.203.762.765	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	2.043.327.576	-
	-	4.348.800.000
Các nhà cung cấp khác	28.367.847.649	34.686.744.750
Cộng	<u>41.706.988.844</u>	<u>54.020.325.422</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	-	8.574.631.940
Cục Tài vụ - Quản trị - Tổng cục Hải quan	-	5.857.637.633
Movitel, S.A	-	2.143.026.534
Công ty Quản lý bay Miền Trung - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH	-	2.107.193.768
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	59.588.064.723	
Công ty TNHH BOT Thiên Tân Quảng Ngãi	3.073.536.424	-
Các khách hàng khác	12.569.713.893	3.769.527.903
Cộng	<u>75.231.315.040</u>	<u>22.452.017.778</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Thoái vốn công ty con	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.449.407.037	-	7.125.171.306	(9.207.119.239)	(485.134.225)	1.882.324.879	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.271.931.288	(4.423.506.314)	-	-	1.151.575.026
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	35.129.490	(88.162.294)	-	-	53.032.804
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	874.878.058	(2.815.692.749)	-	-	1.940.814.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	4.227.876.599	-	15.557.580.721	(6.572.924.782)	(514.693.586)	12.697.838.952	-
Thuế thu nhập cá nhân	337.721.415	44.538.001	3.464.999.506	(3.441.743.198)	-	316.439.722	-
Các loại thuế khác	60.000	-	100.085.788	(100.073.788)	-	72.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	68.512.541	(68.512.541)	-	-	-
Cộng	9.015.065.051	44.538.001	30.498.288.698	(26.717.734.905)	(999.827.811)	14.896.675.553	3.145.422.521

(*) Trong đó:

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	15.648.137.775
Giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm trước vào Lợi nhuận chưa phân phối (xem thuyết minh V.26)	(90.557.054)
Cộng	15.557.580.721

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Cung cấp phần mềm	Không chịu thuế
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan, xuất khẩu	0%
- Hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thi công cho công trình	2.216.048.161	6.253.784.339
Chi phí VSOP phải trả	1.887.892.500	-
Chi phí lãi vay	-	24.998.444
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.118.000.000	1.860.390.834
Cộng	<u>5.221.940.661</u>	<u>8.139.173.617</u>

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nhận trước về cho thuê trạm phát sóng từ 12 tháng trở xuống	-	3.898.310.314
Tiền nhận trước về dịch vụ bảo trì từ 12 tháng trở xuống	477.592.970	330.000.000
Cộng	<u>477.592.970</u>	<u>4.228.310.314</u>

20. Phải trả khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	4.000.000.000
Ông Phạm Đức Long - Tiền mượn	-	4.000.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	10.713.997.279	31.876.000.268
Phải trả tiền mượn các cá nhân	5.060.000.000	26.400.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	568.282.640	469.899.897
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	433.411.258	130.600.301
Lãi vay phải trả	9.638.145	-
Cổ tức phải trả	385.445.090	342.187.220
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.257.220.146	4.533.312.850
Cộng	<u>10.713.997.279</u>	<u>35.876.000.268</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	53.745.563.665	76.755.102.901
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	8.870.079.403	36.284.750.184
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	10.819.509.512	23.401.210.286
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.055.974.750	17.069.142.431
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	2.285.000.000
Cộng	<u>53.745.563.665</u>	<u>79.040.102.901</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất và thời hạn vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.2).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2) và thế chấp 1.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.2);
 - Quyền đòi nợ một số khoản phải thu khách hàng phát sinh từ các hợp đồng đầu ra của Công ty được Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam tài trợ (xem thuyết minh V.3);
 - Tài sản cố định của tập đoàn (thuyết minh V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.755.102.901	98.251.287.336	(121.260.826.572)	53.745.563.665
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.285.000.000	-	(2.285.000.000)	-
Cộng	<u>79.040.102.901</u>	<u>98.251.287.336</u>	<u>(123.545.826.572)</u>	<u>53.745.563.665</u>

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả

22a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.617.203.169	6.473.124.056
Tăng do trích lập	1.387.355.036	7.039.360.416
Số sử dụng trong năm	(262.342.014)	(238.408.675)
Phân loại lại	69.978.247	343.127.372
Số cuối năm	<u>14.812.194.438</u>	<u>13.617.203.169</u>

22b. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sử dụng trong năm</u>	<u>Số hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	2.455.087.719	(69.978.247)	(104.605.268)	(227.776.051)	2.052.728.153
Dự phòng trợ cấp thôi việc	758.002.250	-	(11.013.285)	-	746.988.965
Cộng	<u>3.213.089.969</u>	<u>(69.978.247)</u>	<u>(115.618.553)</u>	<u>(227.776.051)</u>	<u>2.799.717.118</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.412.961.480	3.274.556.511
Tăng quỹ do trích từ lợi nhuận	1.345.314.982	2.472.146.972
Hoàn nhập quỹ vào lợi nhuận	(675.047.068)	(828.713.003)
Chi quỹ	(726.740.098)	(505.029.000)
Số cuối năm	<u>4.356.489.296</u>	<u>4.412.961.480</u>

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.926.400.000	2.973.800.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(35.800.000)	(47.400.000)
Số cuối năm	<u>2.890.600.000</u>	<u>2.926.400.000</u>

25. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</u>	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	4.377.948.530	347.155.826	4.725.104.356
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	(2.078.480.573)	-	(2.078.480.573)
Đầu tư, mua sắm tài sản cố định	(56.533.220)	56.533.220	-
Khấu hao tài sản cố định	-	(158.083.595)	(158.083.595)
Hoàn nhập trong năm	(338.839.091)	-	(338.839.091)
Số cuối năm	<u>1.904.095.646</u>	<u>245.605.451</u>	<u>2.149.701.097</u>

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

26b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.343.654	19.064.798
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.343.654	19.064.798
- Cổ phiếu phổ thông	21.343.654	19.064.798
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	72.188	72.188
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.271.466	18.992.610
- Cổ phiếu phổ thông	21.271.466	18.992.610
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 25:3 (cổ đông hiện hữu sở hữu 25 cổ phần được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 12 năm 2021. Trên cơ sở đó, Tập đoàn đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 22.788.560.000 VND. Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 213.436.540.000 VND.

27. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**28a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	144.095,78	32.097,23
Euro (EUR)	4.939,50	11.938,11

28b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt	116.478.432	116.478.432	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Thuận Cường	129.614.730	129.614.730	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Thông tin Viễn Đạt	41.715.000	41.715.000	Không có khả năng thu hồi
Khu Quản Lý Đường Bộ II	73.227.380	-	Không có khả năng thu hồi
Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 494	40.000.000	-	Không có khả năng thu hồi
Các khách hàng khác	678.793.053	-	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.217.987.095</u>	<u>425.966.662</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	235.255.737.063	341.594.009.591
Doanh thu bán thành phẩm	3.932.844.200	7.326.793.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.121.167.637	216.351.188.577
Doanh thu cho thuê trạm thu phát sóng	29.884.504.188	30.106.895.426
Cộng	<u>363.194.253.088</u>	<u>595.378.887.048</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	154.896.476.805	212.864.858.960
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.387.388.914	5.147.979.818
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	94.463.793.237	204.405.781.258
Giá vốn cho thuê trạm thu phát sóng	17.784.953.721	17.238.869.627
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(1.599.691.405)	(1.353.642.815)
Cộng	<u>267.932.921.272</u>	<u>438.303.846.848</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.582.353.474	4.497.300.323
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	219.327.031	30.546.651
Lãi tiền cho vay	33.835.616	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	226.611.922	290.097.354
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	37.978.175	-
Lãi chuyển nhượng công ty con	55.570.937.775	-
Cộng	<u>59.671.043.993</u>	<u>4.817.944.328</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.718.069.513	3.756.607.078
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	612.805.715	947.432.485
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	321.836.660
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.047.000.000	-
Cộng	<u>6.377.875.228</u>	<u>5.025.876.223</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	40.913.023.523	42.769.106.321
Chi phí vật liệu, bao bì	149.030.034	198.096.275
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	638.008.036	961.713.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.807.597	11.698.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.756.158.660	2.419.911.950
Các chi phí khác	1.457.522.403	2.763.393.233
Cộng	<u>44.921.550.253</u>	<u>49.123.919.727</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.975.873.326	31.836.746.714
Chi phí vật liệu quản lý	48.232.944	233.446.882
Chi phí đồ dùng văn phòng	794.726.647	611.057.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.467.122	994.508.262
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.940.180.448)	12.720.484.174
Chi phí thực hiện VSOP	2.228.423.988	257.087.220
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(428.927.428)	2.235.079.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.001.595.692	3.577.405.778
Các chi phí khác	3.224.714.091	1.463.117.175
Cộng	<u>32.620.925.934</u>	<u>53.928.933.403</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	55.454.545	9.644.485.864
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.661.753.088	780.307.779
Các khoản thu nhập khác	602.923.722	123.041.969
Cộng	<u>2.320.131.355</u>	<u>10.547.835.612</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.682.818.635	35.104.526.684
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(703.970.588)	(1.179.574.003)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	26.978.848.047	33.924.952.681
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	21.271.466	21.271.466
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.268</u>	<u>1.595</u>

8b. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.786 VND xuống còn 1.595 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Số dư các khoản công nợ có liên quan đến chuyển nhượng công ty con và mua sắm, thanh lý tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền chuyển nhượng công ty con	56.909.600.357	-
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	-	1.000.000.000
Nợ phải trả liên quan đến chuyển nhượng công ty con	261.323.130	-
Nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định	1.387.097.112	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch mượn tiền với Ban Giám đốc và Kế toán trưởng với số tiền là 8.350.000.000 VND (năm trước 4.000.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 4.953.152.817 VND (năm trước là 5.096.400.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết
Site Preparation Management Co., Ltd	Bên liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.6.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Điện - Tự động và Đo lường;
- Viễn thông tin học;
- Điện;
- Giao thông thông minh.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Doanh thu thuần</u>	<u>Giá vốn</u>	<u>Lãi gộp</u>
Năm nay			
Điện – Tự động và Đo lường	52.559.283.150	37.739.850.550	14.819.432.600
Viễn thông tin học	50.268.271.846	40.411.721.098	9.856.550.748
Điện	167.812.985.765	120.671.273.115	47.141.712.650
Giao thông thông minh	92.510.149.327	69.110.076.509	23.400.072.818
Cộng	<u>363.150.690.088</u>	<u>267.932.921.272</u>	<u>95.217.768.816</u>
Năm trước			
Điện – Tự động và Đo lường	166.894.722.248	144.866.868.110	22.027.854.138
Viễn thông tin học	87.403.837.374	67.239.527.520	20.164.309.854
Điện	134.544.089.627	81.051.657.565	53.492.432.062
Giao thông thông minh	206.516.801.799	145.145.793.653	61.371.008.146
Cộng	<u>595.359.451.048</u>	<u>438.303.846.848</u>	<u>157.055.604.200</u>

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực kinh doanh.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2022


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng


Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc




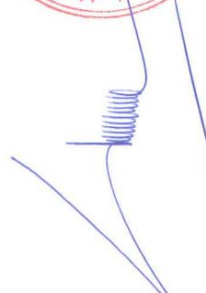
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu


	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	190.647.980.000	(721.880.000)	4.689.718.349	72.174.983.123	51.981.046.978	318.771.848.450
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	35.104.526.684	17.328.831.496	52.433.358.180
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	3.189.757.370	(4.369.331.373)	(463.859.966)	(1.643.433.969)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(18.992.610.000)	(9.483.363.400)	(28.475.973.400)
Cổ đông không kiểm soát bán cổ phần cho công ty mẹ	-	-	-	-	(1.605.954.014)	(1.605.954.014)
Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm	-	-	-	(517.225.986)	-	(517.225.986)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	(14.403.000)	-	(15.597.000)	(30.000.000)
Giảm do truy thu thuế	-	-	-	(50.519.323)	(55.347.255)	(105.866.578)
Số dư cuối năm trước	190.647.980.000	(721.880.000)	7.865.072.719	83.349.823.125	57.685.756.839	338.826.752.683
Số dư đầu năm nay	190.647.980.000	(721.880.000)	7.865.072.719	83.349.823.125	57.685.756.839	338.826.752.683
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	22.788.560.000	-	-	(22.788.560.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	27.682.818.635	30.108.860.337	57.791.678.972
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	3.102.200.746	(3.806.171.334)	(641.344.394)	(1.345.314.982)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(3.811.269.200)	(3.811.269.200)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	-	668.199.328	6.847.740	675.047.068
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	-	-	(728.054.423)	728.054.423	-	-
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	-	-	90.557.054	-	90.557.054
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ của Công ty con cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(10.747.780)	(31.574.787)	366.132.567	323.810.000
Mua lại cổ phần từ Cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(595.488.997)	(1.348.511.003)	(1,944,000,000)
Số dư cuối năm nay	213.436.540.000	(721.880.000)	10.228.471.262	85.297.657.447	82.366.472.886	390.607.261.595

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2022




 Phạm Thị Bích Thảo
 Người lập


 Trương Thị Phương Dung
 Kế toán trưởng


 Lâm Thiếu Quân
 Tổng Giám đốc



**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÂM THIỀU QUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Thông tin liên lạc

Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo,
P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM

Số điện thoại
(028) 3770 1114

Số fax
(028) 3770 1116

Website
www.itd.com.vn